

SỞ Y TẾ
BVĐK Hồng Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Thành, ngày 20 tháng 09 năm 2022

Số: 53/2022/TB-HHH-PHD
SỞ Y TẾ TÂY NINH
Số:
Ngày: 21/09/2022
Chuyên:
Lưu Hồ Sơ:

THÔNG BÁO

ĐÁP ỨNG THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Tây Ninh

Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng

Địa chỉ kho bảo quản: tại khuôn viên Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng, số 187 đường Phạm Văn Đồng, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276.3 836 991

Email: info@honghunghospital.com.vn

Người liên hệ: DS. Huỳnh Thị Kim Hoa

Chức danh: Trưởng khoa Dược

Điện thoại: 0902767364

Email: huynhthikimhoa159@gmail.com

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: DS. Trần Thị Kim Hồng, năm sinh: 1990

Số Chứng chỉ hành nghề dược: 1926/CCHN-D-SYT-TNI Nơi cấp Sở Y tế tỉnh Tây Ninh; năm cấp 2021 .

Cơ sở chúng tôi đã được thành lập theo Quyết định số 139/BYT-GPHĐ ngày 02/10/2020 của Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện, trong đó bao gồm phạm vi hoạt động bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cụ thể như sau:

Thuốc hóa dược, Thuốc dược liệu, Sinh phẩm (bao gồm thuốc phải kiểm soát đặc biệt: Thuốc gây nghiện, Thuốc hướng thần, Thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, Thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, Thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, Thuốc độc, Thuốc trong Danh mục thuốc, dược chất thuộc Danh mục chất cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực)

Điều kiện bảo quản :

- Điều kiện thường : nhiệt độ từ 15°C-30°C, độ ẩm $\leq 75\%$
- Điều kiện lạnh : nhiệt độ từ 2-8°C

Thực hiện quy định tại Luật dược và Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sau khi tiến hành tự thanh tra và đánh giá đạt yêu cầu; cơ sở chúng tôi xin thông báo đáp ứng tiêu chuẩn GSP đối với phạm vi bảo quản thuốc trong quy định về chức năng nhiệm vụ của chúng tôi nêu trên.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các văn bản pháp luật, các quy chế chuyên môn được có liên quan.

Thủ trưởng đơn vị



Hòa Thành, ngày 10 tháng 08 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC

Thành phần:

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Đào Anh Dũng | Phó Giám đốc bệnh viện – Trưởng đoàn |
| 2. Bà Huỳnh Thị Kim Hoa | Trưởng Khoa Dược bệnh viện – Phó đoàn |
| 3. Ông Bùi Nguyễn Nguyên Phúc | Trưởng phòng KHTH – Thư ký |
| 4. Bà Ngô Thị Thanh Thủy | Thủ kho – Thành viên |
| 5. Bà Trần Thị Kim Hồng | Nhân viên khoa Dược – Thành viên |

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, chúng tôi đã tiến hành tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các qui định về thực hành tốt bảo quản thuốc, tại kho thuốc – Khoa Dược – bệnh viện đa khoa Hồng Hưng, theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ y tế.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng

Địa chỉ kho bảo quản: 187 đường Phạm Văn Đồng, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276.3 836 991

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: DSDH. Trần Thị Kim Hồng

Kho thuốc thuộc : Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa Hồng Hưng

Số lượng nhân viên theo nghiệp vụ thực hiện công việc quản lý và bảo quản thuốc tại kho:

Dược sĩ đại học : 02

Dược sĩ cao đẳng : 01

Dược sĩ trung học : 01

II. NỘI DUNG TỰ KIỂM TRA

Nội dung kiểm tra được tham chiếu theo nội dung Hồ sơ tổng thể GSP kho và phụ lục IV Thông tư 36/2018/TT-BYT, như sau :

STT	NỘI DUNG	CÓ	KHÔNG	NHẬN XÉT
	I. Tổ chức và nhân sự Có sơ đồ tổ chức không?	X		
	Sơ đồ tổ chức có được cập nhật không?	X		
	Kho có đầy đủ nhân viên có trình độ phù hợp với công việc được giao không?	X		
	Có văn bản qui định chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên làm việc tại kho không?	X		
	Nhân viên có được đào tạo đầy đủ về GSP không?	X		Đào tạo tối thiểu 1 lần/năm
	Hồ sơ đào tạo có được lưu lại không?	X		
	II. Nhà kho và thiết bị Kho có được xây dựng tại nơi cao ráo, đảm bảo việc phòng chống lũ lụt, ngập nước, ẩm ướt không?	X		
	Vị trí kho có thuận tiện cho việc nhập, xuất, vận chuyển và bảo vệ không?	X		
	Kho và môi trường xung quanh có thuận tiện cho việc vệ sinh không?	X		
	Diện tích kho có hợp lý, có sự bố trí phù hợp cho các mục đích : tiếp nhận, cấp phát, bảo quản và biệt trữ không?	X		

BỆNH VIỆN HỒNG HUNG
BIÊN BẢN KIỂM TRA GSP KHO THUỐC 2022

Nhà kho có được xây dựng và bố trí đáp ứng yêu cầu về đường đi lại, lối thoát hiểm và đảm bảo phòng cháy chữa cháy không?	X		
Cửa ra vào kho có được làm bằng vật liệu chắc chắn và có khóa an toàn không?	X		
Nhà kho có được xây dựng đảm bảo sự thông thoáng, sự luân chuyển của không khí và phòng chống được các ảnh hưởng của thời tiết không?	X		
Nền kho có được xây dựng đảm bảo chống ẩm, chống thấm và chịu lực không? Nền nhà kho có các khe hở, vết nứt hoặc bề vỡ không?	X		
Nhà kho có các phương tiện và thiết bị phù hợp để đảm bảo các điều kiện bảo quản như: * Hệ thống điều hoà không khí, quạt thông gió * Nhiệt kế * Ẩm kế	X		
Kho thuốc có được cung cấp đầy đủ ánh sáng để đảm bảo các hoạt động trong kho được chính xác và an toàn không?	X		
Kho có được trang bị các phương tiện phòng chống cháy nổ và các bảng hướng dẫn cần thiết không?	X		
Có bảng nội quy ra vào kho và	X		

BỆNH VIỆN HỒNG HƯNG
BIÊN BẢN KIỂM TRA GSP KHO THUỐC 2022

	các biện pháp cần thiết để hạn chế việc ra vào không?			
	Thuốc trong kho có được bảo quản đúng điều kiện ghi trên nhãn không?	X		
	Hàng hoá có được bảo quản tránh ánh sáng trực tiếp chiếu vào không?	X		
	Kho có các trang thiết bị phù hợp với yêu cầu bảo quản không?	X		
	Khi cần kiểm soát về nhiệt độ, độ ẩm, các điều kiện này có được theo dõi liên tục và được ghi chép lại đầy đủ không?	X		
	Các thiết bị dùng theo dõi điều kiện bảo quản có được định kỳ kiểm tra, hiệu chuẩn không?	X		Lịch hiệu chuẩn, kiểm tra đi kèm theo máy.
III. Vệ sinh và an toàn				
	Có kế hoạch định kỳ vệ sinh nhà kho không?	X		Lau, dọn mỗi ngày. Định kỳ tổng vệ sinh kho hằng tháng
	Khu vực bảo quản có được sạch sẽ không có bụi rác cũng như côn trùng, sâu bọ không?	X		
	Có quy trình làm vệ sinh nhà kho không?	X		
	Nhân viên làm việc trong kho có được định kỳ kiểm tra sức khoẻ không?	X		Định kỳ 1 lần/năm
IV. Các quy trình bảo quản				
	Có quy trình nhập hàng không? Việc nhập hàng có thực	X		

BỆNH VIỆN HỒNG HƯNG
BIÊN BẢN KIỂM TRA GSP KHO THUỐC 2022

	hiện theo đúng quy trình đã ban hành không?			
	Nguyên tắc nhập trước - xuất trước (FIFO) hoặc hết hạn dùng trước xuất trước (FEFO) có được tuân thủ nghiêm ngặt không?	X		
	Có quy trình xuất hàng không? Việc xuất hàng có thực hiện theo đúng quy trình đã ban hành không?	X		
	Thuốc chờ xử lý có được dán nhãn rõ ràng và được biệt trữ đúng quy định không?	X		
	Kho tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất để xác định chất lượng hàng hoá bảo quản trong kho không?	X		
	Các hệ thống sổ sách, quy trình thao tác chuẩn có được thiết lập đối với công tác bảo quản, kiểm soát, theo dõi xuất nhập và theo dõi chất lượng thuốc không?	X		
	Các hồ sơ này có được lưu lại theo quy định không?	X		
	Số lô và hạn dùng của hàng hoá có được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo nguyên tắc “nhập trước xuất trước” và đề phát hiện hàng gần hết hạn dùng không?	X		
V.	Thuốc trả về			
	Hàng trả về có được bảo quản ở khu vực biệt trữ và dán nhãn để phân biệt không?	X		Có SOP



Hàng trả về không đạt chất lượng hoặc không an toàn cho người sử dụng có được huỷ theo quy định không?	X		
VI. Vận chuyển			
Trong quá trình vận chuyển thuốc trong bệnh viện, các điều kiện bảo quản có được đảm bảo đúng không?	X		
VII. Hồ sơ, tài liệu			
Có phương tiện theo dõi việc xuất, nhập, tồn kho và truy xuất dữ liệu khi cần không?	X		
Có đầy đủ các quy trình đảm bảo việc bảo quản thuốc không?	X		
Các quy trình, hồ sơ, tài liệu liên quan có được lưu trữ tại Khoa đúng theo quy định không?	X		
VIII. Tự kiểm tra			
Có Quyết định thành lập Đoàn tự thanh tra không?	X		
Việc tự thanh tra có được tiến hành theo đúng quy định đã ban hành không?	X		
Sau các đợt tự thanh tra có biên bản tự thanh tra không?	X		
Biên bản tự thanh tra có nêu rõ các tồn tại và đề ra các biện pháp và thời gian khắc phục các tồn tại không?	X		

III. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA VÀ NHẬN XÉT

Nhận xét :

- Nhân sự: Kho thuốc có đủ nhân viên có trình độ phù hợp với công việc được giao.
- Nhà kho: Kho được xây dựng có diện tích phù hợp, trang thiết bị đáp ứng tốt các yêu cầu bảo quản của thuốc/VTYT, các điều kiện bảo quản theo yêu cầu được duy trì trong suốt thời gian lưu tại kho.
- Khu vực bảo quản thuốc luôn sạch sẽ, thông thoáng, đủ sáng. Nhân viên làm việc tại kho thực hiện đúng theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ các quy trình thao tác chuẩn về bảo quản thuốc theo quy định, đảm bảo chất lượng của thuốc.
- Đã xây dựng và bổ sung đầy đủ hồ sơ, sổ sách còn thiếu. Hệ thống sổ sách ghi chép, theo dõi việc xuất nhập, bảo quản thuốc theo các quy định, quy chế hiện hành.
- Ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện trong việc quản lý xuất nhập tồn kho thuốc.

Kết quả :

Dựa vào kết quả tự thanh kiểm tra, đoàn kiểm tra kết luận kho thuốc thuộc khoa Dược, bệnh viện Đa khoa Hồng Hưng đạt tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản (GSP) theo qui định tại Phụ lục IV – Thông tư 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ y tế.

Hòa Thành, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Thư ký



Bùi Nguyễn Nguyên Phúc

Trưởng đoàn



BS. CKII, Đào Anh Dũng



ĐƠN CHỨNG NHẬN

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 022892 /A002/GCN-BTNL

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận : Bà **TRẦN THỊ KIM HỒNG**

Sinh ngày : 21/11/1990

Đơn vị công tác : Bệnh viện Hồng Hưng

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN TRONG HÀNH NGHỀ DƯỢC

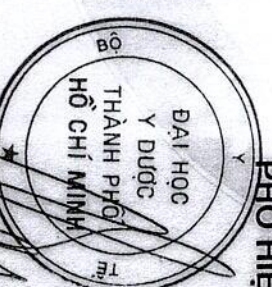
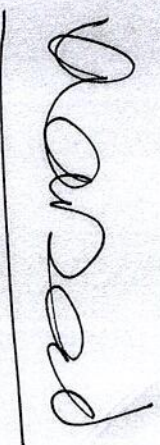
Tổng số : 16 tiết học (Mười sáu tiết học)

Từ ngày 16 tháng 01 năm 2021, đến ngày 17 tháng 01 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS.DS. TRẦN THÀNH ĐẠO

PGS.TS.BS. NGUYỄN HOÀNG BÁC

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

THÔNG BÁO CHIÊU SINH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN TRONG HÀNH NGHỀ DƯỢC

Căn cứ Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, Trung tâm Đào tạo nhân lực y tế theo nhu cầu xã hội thuộc Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh thông báo chiêu sinh chương trình đào tạo liên tục “Cập nhật kiến thức chuyên môn trong hành nghề dược” như sau:

I. Mục tiêu đào tạo

1. Kiến thức: Cung cấp kiến thức về hành nghề Dược.
2. Thái độ: Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ, hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng.
3. Kỹ năng: Có kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc cho nhân viên y tế và người bệnh.

II. Đối tượng đăng ký: Dược sĩ.

III. Thời gian và địa điểm học

1. Khai giảng: Lúc 08g00, Thứ Bảy ngày 16/01/2021.
2. Thời gian học: Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 17/01/2021 (Học cả ngày).
3. Địa điểm học: Giảng đường 2, Khoa Dược - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Số 41 - 43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

IV. Chương trình đào tạo

- Thời lượng học tập: 16 tiết học.

Ngày	Thời gian	Nội dung	Giảng viên	Số tiết
Thứ Bảy 16/01/2021	08g00 - 08g15	Đăng ký Khai mạc	BTC lớp học	
	08g15 - 09g45	Cập nhật một số văn bản pháp luật liên quan lĩnh vực Dược	ThS. Đỗ Văn Dũng	02
	09g45 - 11g30	Các quy định của Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc		02
	13g30 - 15g00	Virus SARS CoV2 và vaccine phòng ngừa	ThS. Hồ Vĩnh Thắng	02
	15g00 - 16g30	Lập hồ sơ tổng thể và quy trình thao tác chuẩn bảo quản vắc xin sinh phẩm		02
Chủ nhật 17/01/2021	08g00 - 11g30	Điều kiện bảo quản: lý thuyết, các quy định - thẩm định điều kiện bảo quản - Bài tập thực hành	ThS. Hoàng Thùy Linh	04
	13g30 - 15g00	Cập nhật nguyên tắc thực hành tốt phân phối thuốc và các quy định có liên quan	ThS. Nguyễn Ngọc Danh	02
	15g00 - 16g30	Các vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng, độ ổn định trong bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc và vắc xin sinh phẩm	PGS.TS. Nguyễn Đức Tuấn	02
	16g30 - 17g00	Kiểm tra cuối khóa	BTC lớp học	
Tổng số				16

V. Danh sách giảng viên

1. PGS.TS. Nguyễn Đức Tuấn - Trưởng BM Phân tích kiểm nghiệm, Khoa Dược - Đại học Y Dược TPHCM.
2. ThS. Đỗ Văn Dũng - Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược - Sở Y tế TPHCM.
3. ThS. Hồ Vĩnh Thăng - Phó Trưởng khoa Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh - Viện Pasteur TPHCM.
4. ThS. Hoàng Thủy Linh - PGĐ Trung tâm kiểm chuẩn thiết bị - Viện Pasteur TPHCM.
5. ThS. Nguyễn Ngọc Danh - Sở Y tế TPHCM.

VI. Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đào tạo liên tục

- Tham gia đủ 80% thời lượng khóa học và điểm kiểm tra cuối khóa: ≥ 5 điểm.
- *Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học do Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh cấp.*

VII. Hồ sơ đăng ký gồm

1. Phiếu đăng ký (theo mẫu của Trung tâm đào tạo nhân lực y tế).
2. Bản sao bằng Dược sĩ (có công chứng).

VIII. Nộp hồ sơ và học phí

- Số lượng học viên dự kiến: 40 học viên.
- Học phí: 1.000.000đ/01 học viên (Một triệu đồng chẵn).
- Nộp hồ sơ tại: Trung tâm đào tạo nhân lực y tế theo nhu cầu xã hội - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- *Học viên có thể đăng ký trước bằng cách scan hoặc chụp hồ sơ (Phiếu đăng ký + Bằng Dược sĩ) gửi qua email daotaonlyt@ump.edu.vn và chuyển khoản học phí. Hồ sơ nộp bổ sung vào ngày khai giảng.*

Hình thức đóng học phí:

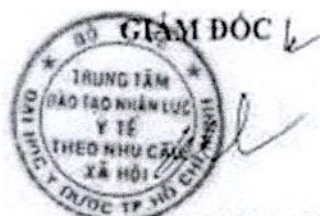
- ❖ Đóng học phí trực tiếp: Trung tâm Đào tạo nhân lực Y tế theo nhu cầu xã hội.
- ❖ Chuyển khoản: Nội dung CK xin ghi rõ "Họ tên_CNKT chuyên môn Dược 16-17/01/2021".
Tên tài khoản: Trung tâm Đào tạo nhân lực y tế theo nhu cầu xã hội.
Số tài khoản: 0511000434238
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, CN Sài Thành.

- * **Ghi chú:**
 1. Học viên tự túc ăn, ở trong quá trình học tập.
 2. Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
 3. Rút học phí:
 - Trước ngày 09/01/2021: Hoàn lại 100%.
 - Từ ngày 09/01/2021 - 15/01/2021: Hoàn lại 75%.
 - Sau ngày 15/01/2021: Không giải quyết.

Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm đào tạo nhân lực y tế theo nhu cầu xã hội - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 3853 9207. Website: daotaonlyt.edu.vn, chpt.ump.edu.vn hoặc ump.edu.vn. Email: daotaonlyt@ump.edu.vn.

Nơi nhận:

- Khoa Dược, ĐHYD TP.HCM;
- Lưu: VT, ĐTNL_Toàn.



PGS.TS. Châu Ngọc Hoa

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC

Số hiệu: 1926/CCHN-D-SYT-TNI

Cấp lần thứ: 1

Chứng nhận Ông/Bà: **TRẦN THỊ KIM HỒNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 21/11/1990

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu: 072190004108

Ngày cấp: 26/02/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Văn bằng chuyên môn: **Dược sĩ đại học**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Bán lẻ dược; bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc

Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: **Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của: nhà thuốc; cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc (có cả bảo quản vắc xin, sinh phẩm).**

Hình thức cấp chứng chỉ hành nghề: Xét hồ sơ

Yêu cầu có phiên dịch trong hành nghề: Không

Chứng chỉ hành nghề dược có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 được cấp theo Quyết định số: 07/QĐ-SYT ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế Tây Ninh.

Tây Ninh, ngày 06 tháng 01 năm 2021

**KT: GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC

HỒ SƠ TỔNG THỂ KHO BẢO QUẢN (GSP)

Ngày ban hành: 01/08/2022

Phiên bản số: 01



I. MỤC LỤC

MỤC LỤC		
STT	Nội dung	Trang
1.	THÔNG TIN CHUNG	
1.1	Thông tin liên hệ của cơ sở	2
1.2	Hoạt động được cấp phép của cơ sở	2
2.	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	
2.1	Hệ thống chất lượng của kho	3
2.2	Quản lý các nhà cung cấp	3
3.	NHÂN SỰ	
3.1	Sơ đồ tổ chức	4
3.2	Số lượng nhân viên và trình độ chuyên môn	4
4.	NHÀ KHO VÀ THIẾT BỊ	5
4.1	Hệ thống kho	5
4.1.1	Hệ thống điều hòa không khí trong kho	5
4.2	Thiết bị	6
4.2.1	Thiết bị chính	6
4.2.2	Vệ sinh thiết bị	6
4.2.3	Hệ thống máy tính	6
5.	HỒ SƠ TÀI LIỆU	7
6.	BẢO QUẢN	7
7.	XỬ LÝ KHIẾU NẠI, LỖI SẢN PHẨM VÀ THU HỒI	8
7.1	Xử lý các sản phẩm không đạt yêu cầu	8
7.2	Thu hồi sản phẩm	8
8.	TỰ THANH TRA	8
9.	CÁC PHỤ LỤC	9

II. NỘI DUNG

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Thông tin liên hệ của cơ sở

<i>Tên cơ sở</i>	<i>Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng</i>
Địa chỉ	187 đường Phạm Văn Đồng, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	(0276) 3836 991 – 0941 696 939
Email	info@honghunghospital.com.vn
Website	www.honghunghospital.com.vn
Hệ thống kho	Vị trí : Tầng 1, Khu B, cuối khu thông tầng sau – Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng Nhân sự quản lý kho : Trưởng Khoa Dược: DS CKI. Huỳnh Thị Kim Hoa Số điện thoại : 0902 767364 Phụ Trách chuyên môn kho: DS. Trần Thị Kim Hồng Số điện thoại : 0764 318 338 Thủ kho : DS. Ngô Thị Thanh Thủy Số điện thoại : 0944 304 878

1.2. Hoạt động được cấp phép của cơ sở

Kho Thuốc/Kho dịch truyền Tổng trực thuộc Khoa Dược – Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng chịu trách nhiệm nhập, bảo quản, cấp phát Thuốc đến Kho lẻ, Nhà thuốc và các khoa lâm sàng bệnh viện.

- Bản sao Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (Phụ lục I).
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Phụ lục III).

1.3. Các hoạt động bảo quản khác được thực hiện tại cơ sở

Kho thuốc Tổng còn chịu trách nhiệm bảo quản các Sản phẩm không phải là thuốc (TPCN) và Dược mỹ phẩm hỗ trợ quá trình điều trị tại bệnh viện. Các sản phẩm không phải là thuốc & Dược mỹ phẩm được bảo quản theo đúng điều kiện của nhà sản xuất, tại khu vực riêng ở kho, có nhãn dán phân biệt.

2. Hệ thống quản lý chất lượng

2.1. Hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở:

Kho thuốc Khoa Dược bệnh viện ĐK Hồng Hưng trực thuộc sự quản lý của Phó Giám đốc bệnh viện, có chức năng quản lý và cấp phát thuốc cho toàn bệnh viện nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thuốc đảm bảo chất lượng phục vụ công tác điều trị bệnh.

Hệ thống kho được trang bị và nâng cấp liên tục về cơ sở vật chất và các thiết bị bảo quản với mục tiêu đạt tiêu chuẩn thực hành bảo quản thuốc tốt (GSP) năm 2022. Bên cạnh đó, từ những ngày đầu đi vào hoạt động, kho đã áp dụng thành công và duy trì liên tục phương pháp quản lý 5S để giúp hạn chế các nguy cơ sai sót trong cấp phát thuốc.

Sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện (VNPT HIS) trong việc theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn kho, hạn dùng của các mặt hàng tại kho dược.

Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng, quý, năm và/hoặc đột xuất khi cần với sự phối hợp cùng phòng kế toán, ban kiểm soát và khoa Dược.

Các hoạt động tại kho luôn tuân theo Bộ quy trình thao tác chuẩn (SOPs) nhằm kiểm soát chất lượng thuốc trong kho.

2.2. Quản lý các nhà cung cấp và các cơ sở hợp đồng

Quản lý nhà cung cấp

Áp dụng quy định số 01/2021/QĐ-BV.HH ban hành ngày 17/04/2021 về việc đánh giá nhà cung cấp và tổ chức giám sát việc thực hiện quy định.

Tần suất đánh giá:

Định kỳ tháng 1 và tháng 7 hàng năm tổ chức đánh giá toàn bộ nhà cung cấp.

Đánh giá đột xuất trước khi lựa chọn nhà cung cấp.

Thành phần cơ cấu nhóm đánh giá bao gồm:

Trưởng nhóm : là thành viên ban giám đốc, chịu trách nhiệm phê duyệt đánh giá.

Thành viên : Trưởng/phó phòng tài chính kế toán, Trưởng/phó Khoa Dược, Trưởng/phó phòng kế hoạch tổng hợp.

Đánh giá dựa vào các chỉ tiêu chính như sau:

- * Chất lượng của nhà cung cấp (tiêu chí: pháp lý, hệ thống quản lý chất lượng, uy tín)

- ✧ Điều khoản thanh toán
- ✧ Chất lượng dịch vụ khách hàng
- ✧ Chất lượng sản phẩm
- ✧ Giá hàng hóa

Dựa vào trọng số của các chỉ tiêu, tiến hành chấm điểm nhà cung cấp. Trình hội đồng đánh giá phê duyệt danh mục các nhà cung cấp được chấp thuận. Nếu trong quá trình giám sát, phát hiện những vấn đề liên quan đến chất lượng thì phải tiến hành điều tra, đánh giá và có những biện pháp chỉnh sửa phù hợp theo thỏa thuận với nhà cung cấp. Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết, thì loại bỏ nhà cung cấp đó.

Cơ sở hợp đồng

Nhà cung cấp sau khi được lựa chọn sẽ tiến hành ký kết hợp đồng mua bán thuốc, dược phẩm. Hợp đồng mua bán thuốc, dược phẩm đảm bảo hai bên thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền và lợi ích cho cả hai bên, là cơ sở pháp lý ghi nhận cơ sở giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của hai bên nếu có tranh chấp xảy ra.

Thuốc/VTYT mua vào bệnh viện dựa vào 2 loại hợp đồng :

- ✧ Hợp đồng áp thầu với những mặt hàng có trúng thầu, được hưởng BHYT tại bệnh viện
- ✧ Hợp đồng nguyên tắc với những mặt hàng không trúng thầu.

Khoa Dược chịu trách nhiệm biên soạn và ký kết các hợp đồng mua thuốc với các điều khoản về chủng loại mặt hàng, chất lượng, đơn giá, số lượng, giao nhận, thời hạn hợp đồng.... Khoa tài chính kế toán kiểm soát phương thức thanh toán và theo dõi công nợ dựa theo hợp đồng.

3. Nhân sự

3.1 Sơ đồ tổ chức kho:

Sơ đồ tổ chức kho - Phụ lục V

3.2 Số lượng nhân viên và trình độ chuyên môn:

Phân công nhân sự quản lý kho gồm các thành phần sau:

- Lãnh đạo Bệnh viện quản lý chung khoa Dược.
- Trưởng khoa Dược quản lý chung hệ thống kho.

- Cán bộ phụ trách chuyên môn kho 01 dược sĩ đại học.
- Thủ kho 01 dược sĩ cao đẳng.
- Nhân viên kho 01 dược sĩ trung học.

Có sự phân công trách nhiệm cho từng vị trí với nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân trong bảng mô tả công việc đã được lãnh đạo phê duyệt và được lưu giữ tại đơn vị.

Mỗi nhân viên tham gia quản lý, làm việc tại kho được đào tạo, tập huấn các qui định về kho GSP, cũng như nắm chắc các SOPs. Việc tổ chức huấn luyện nhân viên được thực hiện ít nhất 1 lần/ năm.

4. Nhà kho và thiết bị

4.1 Hệ thống kho :

Nhà kho và thiết bị được thiết kế, xây dựng, bố trí và bảo dưỡng thích hợp cho các hoạt động.

Hệ thống kho tổng bao gồm 7 kho chi tiết. Trong đó 6 kho được xây liền kề nhau, thuận tiện cho việc nhập kho, kiểm soát, bảo quản và cấp phát

Vị trí : Hệ thống kho được xây dựng tại tầng G, lối đi từ kho đến cửa giao nhận hàng thông thoáng, thuận tiện cho việc giao nhận hàng từ nhà cung cấp. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy và cửa thoát hiểm được bố trí gần kho hạn chế thiệt hại khi có sự cố.

Thiết kế chung :

Tường kho ốp gạch trắng từ chân tường đến khoảng $\frac{1}{2}$ chiều cao tường thuận tiện cho việc vệ sinh, tránh bám bẩn.

Trần kho được ghép từ nhiều mảnh thạch cao vuông trắng, dễ dàng tháo lắp, thuận tiện cho việc vệ sinh và bảo trì hệ thống điều hòa âm tường.

Cửa kho làm bằng vật liệu nhôm sơn tĩnh điện cách âm, cách nhiệt, cửa được lắp kính cường lực, kính được dán decal đảm bảo tránh ánh sáng trực tiếp.

Bên trong mỗi kho được bố trí đầy đủ các khu vực : Tiếp nhận/cấp phát và bảo quản.

Điều kiện bảo quản

Bản vẽ sơ đồ kho – Phụ lục VI-1

Bản vẽ bố cục kho – Phụ lục VI-2

4.1.1 Hệ thống điều hòa không khí trong kho:

Kho được bố trí máy lạnh hoạt động theo nguyên lý trung tâm, và 1 máy hút thông gió đảm bảo nhiệt độ trong kho dao động trong khoảng $15-25^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$. Hệ thống điều hòa không khí và thông gió của bệnh viện được thiết kế hoạt động liên tục trong suốt thời gian làm việc 24h/ngày, 365 ngày/năm mà không cần phải ngưng toàn hệ thống để bảo dưỡng. Thiết bị điều hòa không khí trung tâm gồm: 02 máy CHILLER-01,02.

Hệ thống chiller: Bao gồm: Máy chiller, Bơm nước tuần hoàn, Tháp giải nhiệt cho máy chiller, hệ thống đường ống phân phối nước làm lạnh, các dàn trao đổi nhiệt (FCU), Hệ thống tủ điện điều khiển.

Nguyên lý hoạt động: Nước thủy cục được Bơm hút đẩy vào hệ thống đường ống tuần hoàn kín, Bơm đẩy nước vào máy Chiller, Chiller có nhiệm vụ làm lạnh nước xuống 7-10 độ, nước sau khi được làm lạnh ra khỏi chiller thì được hệ thống Bơm đẩy xuống các phòng cần làm lạnh, tại phòng có các dàn trao đổi nhiệt (FCU) nước lạnh cấp vào FCU sẽ được trao đổi nhiệt cưỡng bức bằng quạt với không khí tại phòng để làm lạnh không khí trong phòng bằng với nhiệt độ cài đặt trên Thermostat (được lắp tại phòng), sau khi nước lạnh ra khỏi FCU thì nước lạnh được gia nhiệt làm tăng nhiệt độ tiếp tục được Bơm hút về Chiller để được làm lạnh tiếp, tiếp tục vòng tuần hoàn mới.

Các thiết bị để theo dõi điều kiện bảo quản bao gồm nhiệt kế, ẩm kế tự ghi được kiểm tra định kỳ, hiệu chỉnh khi đến hạn.

4.2. Thiết bị

4.2.1. Thiết bị chính

Danh sách các thiết bị chính tại kho – Phụ lục VIII

4.2.2. Vệ sinh thiết bị

Thiết bị hoạt động theo nguyên lý trung tâm : hệ thống điều hòa nhiệt độ, hệ thống chữa cháy...được kiểm tra và vệ sinh định kỳ theo lịch của bệnh viện.

Tủ lạnh, tủ vắc xin :

- Hàng ngày : Làm sạch bụi bẩn ở vỏ ngoài tủ lạnh.
- Hàng tuần : Kiểm tra độ kín khít của gioăng cửa, bản lề tủ lạnh. Kiểm tra băng tuyết, xả băng nếu băng tuyết bám ở dàn lạnh hoặc thành tủ >0,5cm.
- Hàng tháng : Làm sạch thành, nắp/ cửa tủ với nước xà phòng pha loãng. Kiểm tra máy nén và bộ phận tản nhiệt xem có sạch không. Thiết bị sẽ không vận hành được chính xác nếu các bộ phận này bị bụi bẩn. Làm vệ sinh máy nén và lưới tản nhiệt
- nhiệt

Nhiệt kế/ẩm kế tự ghi : kiểm tra mỗi ngày, dùng khăn khô sạch lau sạch bụi.

Hồ sơ theo dõi vệ sinh được lưu trữ tại đơn vị theo quy định.

4.2.3. Hệ thống máy tính:

Kho có 02 máy tính kết nối internet và kết nối với phần mềm quản lý bệnh viện (HIS VNPT), cho phép theo dõi các thông tin từ hoạt động nhập, xuất, tồn kho; cũng như dễ dàng truy xuất dữ liệu khi được yêu cầu.

5. Hồ sơ tài liệu

Kho có 02 máy tính kết nối với phần mềm quản lý bệnh viện, cho phép quản lý, theo dõi việc xuất – nhập – tồn kho.

Bên cạnh đó là các quy trình thao tác chuẩn (SOPs), hồ sơ, sổ sách liên quan đến việc kiểm soát chất lượng thuốc trong kho

- Biên bản kiểm nhập.
- Phiếu xuất kho.
- Bảng theo dõi nhiệt độ hàng ngày của tủ vắc xin, tủ lạnh.
- Bảng theo dõi nhiệt độ hàng ngày của kho.
- Bảng ghi nhiệt độ in từ thiết bị tự động theo dõi nhiệt độ liên tục (khi cần).
- Biên bản kiểm kê kho hàng tháng, quý, năm.
- Hồ sơ tập huấn cho nhân viên tham gia bảo quản, vận chuyển vắc xin: tài liệu, chương trình, danh sách học viên...

Bộ quy trình thao tác chuẩn (SOPs) bao gồm :

- Quy trình nhập thuốc và kiểm tra thuốc nhập kho
- Quy trình bảo quản thuốc trong kho
- Quy trình kiểm tra, theo dõi chất lượng thuốc trong kho
- Quy trình vệ sinh kho
- Quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị bảo quản.
- Quy trình kiểm soát môi, mọt, côn trùng, các loài gặm nhấm
- Quy trình xử lý thuốc bị hư hỏng, đổ vỡ
- Quy trình theo dõi, ghi chép điều kiện bảo quản.
- Quy trình cấp phát
- Quy trình tiếp nhận và xử lý thuốc trả về
- Quy trình biệt trữ
- Quy trình định kỳ đối chiếu thuốc trong kho.

Hồ sơ tài liệu được lưu trữ theo quy định.

6. Bảo quản

6.1 Điều kiện bảo quản tại kho:

Đối với những sản phẩm nhãn không ghi rõ điều kiện bảo quản, được bảo quản ở nhiệt độ thường quy tại kho : môi trường khô (độ ẩm $\leq 75\%$), ở nhiệt độ từ 15-30°C.

Bảo quản tủ lạnh (2-8°C) đối với thuốc có nhiệt độ bảo quản lạnh.

Thuốc yêu cầu bảo quản ở điều kiện “Khô”, “Tránh ẩm” được bảo quản không quá 75% độ ẩm tương đối trong điều kiện bảo quản thường; hoặc với điều kiện được chứa trong bao bì chống thấm đến tận tay người bệnh.

Thuốc được yêu cầu bảo quản với điều kiện “Tránh ánh sáng” : bảo quản trong bao bì tránh ánh sáng đến tận tay người bệnh.

Các thuốc Gây nghiện – Hưởng tâm thần được bảo quản tại kho, trong tủ riêng, có khóa, nhiệt độ dưới 30°C, trong bao bì của thuốc tránh ánh sáng. Các thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất được bảo quản tại khu vực riêng tại kho, tách biệt với thuốc khác, dán nhãn phân biệt.

Danh mục các sản phẩm được bảo quản tại kho – Phụ lụcII

6.2 Sắp xếp hàng hóa trong kho:

Kho có trang bị giá, kệ, pallet để xếp hàng. Khoảng cách giữa các giá kệ, giữa giá kệ với nền kho đủ rộng đảm bảo cho việc vệ sinh kho, kiểm tra đối chiếu và sắp xếp, dỡ hàng hóa.

Hệ thống giá kệ được sắp xếp hợp lý, thông thoáng , được dán nhãn riêng từng nhóm thuốc đảm bảo việc nhận biết theo vị trí sắp xếp hàng hóa trong kho.

Ánh sáng đảm bảo cho các khu vực bảo quản có thể thực hiện tất cả các hoạt động một cách chính xác và an toàn. Không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp vào thuốc và các sản phẩm bảo quản tại kho.

Thuốc được sắp xếp theo nguyên tắc FEFO/FIFO, có dán nhãn cảnh báo thuốc cận hạn sử dụng (≤ 180 ngày)

7. Xử lý sản phẩm không đạt yêu cầu và thu hồi sản phẩm

7.1. Xử lý khiếu nại & các sản phẩm không đạt yêu cầu:

Khi có sản phẩm không đạt chất lượng sẽ được thu hồi về và bảo quản riêng tại kho biệt trữ đợi xử lý theo quy trình.

Mọi khiếu nại, phản ánh về chất lượng thuốc tại bệnh viện đều được ghi nhận và xử lý theo quy trình đã được duyệt.

7.2 Thu hồi sản phẩm.

Sản phẩm thuốc sẽ được thu hồi, bảo quản tại kho biệt trữ theo quy định khi có công văn, yêu cầu thu hồi thuốc.

8. Tự thanh tra

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định và hoạt động theo dõi việc thực hiện nguyên tắc thực hành tốt bảo quản thuốc, bệnh viện có các biện pháp kiểm tra, thanh tra định kỳ như sau:

- Hàng quý thủ kho và cán bộ giám sát tự kiểm kê kho.
- Hàng năm tự thanh kiểm tra kho với sự tham gia của các phòng chức năng và ban lãnh đạo: Ban giám đốc, Kế toán, Khoa Dược...
- Bệnh viện tự kiểm tra theo Danh mục đánh giá thực hiện GSP, phụ trách kho/thủ kho có trách nhiệm khắc phục những tồn tại và thực hiện báo cáo khắc phục sau khi có kết quả thanh tra. Hồ sơ như : Quyết định tự thanh kiểm tra, biên bản báo cáo kết quả kiểm tra GSP, các biện pháp khắc phục (nếu có) được lưu trữ tại đơn vị.

9. Danh mục các phụ lục:

Phụ lục I : Bản sao giấy phép hoạt động khám chữa bệnh.

Phụ lục II : Danh mục các sản phẩm được bảo quản tại kho

Phụ lục III : Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược

Phụ lục IV : Danh sách cơ sở các hợp đồng

Phụ lục V : Sơ đồ tổ chức

Phụ lục VI-1 : Bản vẽ sơ đồ kho

Phụ lục VI-2: Bản vẽ bố cục kho

Phụ lục VII : Sơ đồ nguyên lý gió của hệ thống điều hòa không khí trung tâm

Phụ lục VIII : Danh sách thiết bị chính trong kho

Hòa Thành, ngày 01 tháng 08 năm 2022

Người biên soạn



Trần Thị Kim Hồng

Lãnh đạo phê duyệt



Handwritten text, possibly a signature or a small note, located in the lower-left quadrant of the page. The text is faint and appears to be written in cursive or a similar script.

PHỤ LỤC I: GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BỆNH VIỆN

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **139** /BYT - GPBH

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên Bệnh viện: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG HUNG**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Bác sỹ Phan Châu Minh Tuấn.**

Số chứng chỉ hành nghề: **0002006/ TNL- CCHN. Ngày cấp: 20/5/2014.**

Nơi cấp: **Sở Y tế Tây Ninh.**

Hình thức tổ chức: **Bệnh viện đa khoa.**

Đ/c: **Số 187 Phạm Văn Đồng, KP Hiệp Long, P. Hiệp Tân, TX. Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.**

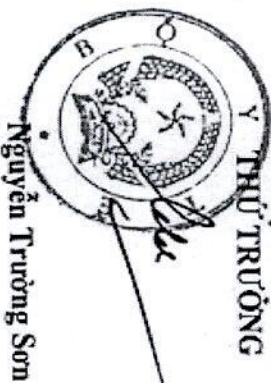
Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được**

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hàng ngày: **24/24 giờ.**

Hà Nội, ngày *22* tháng *10* năm 2020

**KT. BỘ TRƯỞNG
Y THỦ TRƯỞNG**


Nguyễn Trường Sơn

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM BẢO QUẢN TẠI KHO

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
1. Điều kiện bảo quản : $\leq 25^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$, tránh ánh sáng			
1	Ciprofloxacin	Proxacin 1% 200mg/20ml	
2	Clotrimazole	Candid-V gel 30G	
3	Natri Valproate	Depakine Sol 200mg/ml	
4	Lidocain	Lidocain 2%/10ml	
5	Lignospan hydrochloride , Epinephrine	Nha thuốc tê đỏ Septodon 2% (Lignospan Standard)	
6	Nicardipin	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	
7	Drotaverium	No-Spa inj 40mg	
8	Progesterone	Progesterone Inj BP 25mg	
9	Propofol	Propofol 1% 10mg/ml	
10	Propofol	Propofol-Lipuro 1% 10mg/ml	
11	Kẽm, Sắt, Crom, Đồng, Mangan, Molipde	Tracutil INJ 10ml	
2. Điều kiện bảo quản lạnh : $2^{\circ}\text{C} - 8^{\circ}\text{C}$			
1	Amiodaron (hydroclorid)	Cordarone 150mg/3ml	
2	Atracurium besylate	Tracrium 25mg/2.5ml	
3	Casirivimab , Imdevimab	Casirivimab / Imdevimab 120mg/mL	
4	Erythropoietin	Nanokine 2000IU	
5	Erythropoietin	Nanokine 4000IU	
6	Famotidin	Quamatel 20mg	
7	Filgrastim	Zarzio 0,3mg/0,5ml	
8	Human Chorionic Gonadotropin 5000IU	IVF-C INJ 5000IU	
9	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Lantus Solostar 100UI/ml 3ml	
10	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Actrapid 100IU/ml X 10ml	
11	Insulin người trộn, hỗn hợp	Humulin 30/70 Kwikpen (100UI/1ml)/ 3ml	
12	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard- acting, Dual-acting)	Mixtard® 30 FlexPen® 100 IU/ml x 3ml	
13	Methoxy polyethylene glycol epoetin beta	Eprex 2000UI/0,5ml	
14	Methyl ergometrine	Methylergometrine Maleate INJ 0.2mg/ml	
15	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Levonor 1mg/ml	
16	Octreotide	Octreotide 100mcg/1ml	
17	Octreotide	Sandostatin 0,1mg/ml	
18	Oxytocin	Oxytocin 5IU	
19	Remdesivir	Cipremi RTU 100mg/20ml	
20	Rocuronium	Esmeron 50mg/5ml	
21	Streptokinase BP	ST - PASE 1500000 IU	
22	Tobramycin+dexamethason	Tobradex Oint 3.5g	
23	Vinorelbine	Navelbine 30mg	Khu vực riêng biệt
3. Điều kiện bảo quản : $\leq 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$, tránh ánh sáng			

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
3.1 Dịch truyền			
1	Amino acid	Aminoplasma * 10% 250ml	
2	Acid amin *	Aminoplasma B.Braun 5% E 500ml	
3	Acid amin *	Aminoplasma B.Braun 5% E 250ml	
4	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfat + kẽm sulfat + dextrose	Glucolyte -2 500mL	
5	Glucose	Glucose 10% 500ml	
6	Glucose	Glucose 30% 5ml	
7	Glucose	Glucose 30%/500ml	
8	Glucose	Glucose 5% EP 5% x 500ml	
9	Lipofundin + triglycerid + Phospholipid	Lipofundin 10%/250ml	
10	Acid amin + glucose + lipid (*)	MG - Tan Inj 1440ml	
11	Acid amin *	Morihepamin 500ml	
12	Acid amin *	Morihepamin Infusion 200ml	
13		Natri Clorid - 0,9% 100ml	
14	Natri clorid	Natri clorid 0,9%/500ml	
15	Natri clorid	Natri clorid 0.9% 1000ml	
16	Natri clorid	Natri Clorid EP B.Braun, VN 3610734 0,9% / 500ml	
17	Natri Clorid	Natri Sodium chloride 3% /100ml	
18	Acid amin *	Neoamiyu 6,1% - 200 ml	
19	Acid amin *	Nephrosteril Inf 7%/250ml	
20	Nước cất 1000ml	Nước cất 1000ml	
21	Mannitol + Sorbitol pha tiêm	Osmofundin 20% 250ml	
22	Paracetamol (acetaminophen)	Paracetamol-Bivid 1000mg/100ml	
23	Dextro, riboflavin, nicotinamid, pyridoxin	Polymina Kabi 500ml	
24	Kali clorid	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	
25	Ringer lactate	Ringer lactate 500ml	
26	Lactate ringer	Ringer lactate TT VN 500ml 500ml	
27	100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 6g; Triglycerid mạch trung bình 6g; Dầu Oliu tinh chế 5g; Dầu cá tinh chế 3g	Smoflipid Inf 20% 100ml	
28	Hydroxyethyl Starch	Voluven 6% 500ml	
3.2 Thuốc			
29	Acarbose	Arbosnew 100mg	
30	Aceclofenac	Clanzacr 200mg	
31	Acenocoumarol	Azenmarol 4mg	
32	Acetaminophen	Tatanol (Children) 325mg	
33	Acetazolamid	Acetazolamid 250mg	
34	Acetyl leucin	Stadleucin 500mg	
35	Acetyl leucin	Tanganil 500mg	
36	Acetylcysteine	PARATRIAM Powder 200mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
37	Acetylsalicylic acid	Aspirin pH8 500mg	
38	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	Aspirin 81 (AG) 81mg	
39	Acid amin + vitamin	Moriamin Forte	
40	Acid ascorbic	Ceelin 30ml	
41	Acid folic	Acid Folic 5mg	
42	Acid folic (1 mg), vitamin B12 (7.5mcg), Sorbitol (25mg), Vitamin C (50mg)	Sangobion 1 mg+7.5mcg +25mg+50mg	
43	Acid fusidic , Hydrocortisone Acetate	Fucidin H Cream 15g	
44	Acid tranexamic	Duhemos 500mg	
45	ACID TRANEXAMIC	Haemostop 50mg/ml, 5ml	
46	Acid zoledronic	Aclasta 5mg/100ml	
47	Acyclovir	Acyclovir cream 5g	
48	Acyclovir	Medskin Clovir 400mg	
49	Adapalene , Benzoyl peroxide	Azaduo 15g	
50	Al(OH) ₃ +Mg(OH) ₂	Barudon	
51	Albendazole	Alzental 400mg	
52	Albumin	Human Albumin Baxter Inj 20%50mL	
53	Albumin	Human Albumin Grifols 20% 200G/L 50ML	
54	Alendronate natri	Alenta tab 70mg	
55	Alfuzosin	Xatral XL 10mg	
56	Alimemazine	Theralene 5mg	
57	Allopurinol	Sadapron 300mg	
58	Alpha amylase, papaine, simethicone	Neopeptine	
59	Alphachymotrypsin	Alphachymotrypsin Choay 21microkatal	
60	Alphachymotrypsin	Vintrypsine 5000UI	
61	Ambroxol	Halixol 30mg	
62	Ambroxol	Izac Syrup 60ml	
63	Amikacin	Chemacin (VPC) 500mg/2ml	
64	Aminophyllin	Diaphyllin Venosum 240mg/ 5ml	
65	Amiodaron (hydroclorid)	Cordarone 200 mg	
66	Amitriptylin (hydroclorid)	Amitriptylin 25mg	
67	Amlodipin	Amlodipine Stella 5mg	
68	Amlodipin	Amlibon 10mg	
69	Amlodipin	Pyme AM5 5mg	
70	Amlodipin+ Lisinopril	Lisonorm 5mg + 10mg	
71	Amlodipin+ Valsartan	Exforge tab 5mg/80mg	
72	Amox + Clavulanic acid	Curam Tab 1000mg	
73	Amoxi+clavulanic acid	Augmentine 250mg + 31,25mg	
74	Amoxi+clavulanic acid	Augmentine 500mg + 62,5mg	
75	Amoxicilin	Amoxicilin 500mg	
76	Amoxicilin	Amoxicillin - (MKP) 250mg	
77	Amoxicilin + acid clavulanic	Ardineclav 500/125	
78	Amoxicilin + acid clavulanic	Curam 250mg/5ml 1's 250mg + 62,5mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
79	Amoxicillin	Clamoxyl gói 250mg	
80	Amoxicillin + acid clavulanic	Augbidil 1g + 200mg	
81	Amoxicillin + acid clavulanic	Augmentin Tablet 1g	
82	Ampicillin	Ampicilin 1g	
83	Arginine hydrochloride	Argistad 1g	
84	Atorvastatin	Atorvastatin 10mg	
85	Atorvastatin	Lipitor Tab 20mg	
86	Atorvastatin	Lipitor Tab 40mg	
87	Atropin Sulfat	Atropin 0,1% 1mg/1ml	
88	Atropin sulfat	Atropin Sulfat 0.25mg/ml	
89	Axit Gadoteric	Thuốc cản từ Dotarem 10ml	
90	Azithromycin	Pymeazi 250mg	
91	Azithromycin	Vizicin 125 125mg	
92	Azithromycin	Zitromax 200mg/5ml x 15ml	
93	Azithromycin	Pyme Azi 500mg	
94	Azithromycine	Azicine 250mg	
95	Bacillus subtilis	Domuvar 2x10(9) (2 tỷ)	
96	Baclofen	Bamifen 10mg	
97	Bambuterol	Bambuterol 10 A.T 10mg	
98	Bari sulfat , tá dược (đường trắng , gôm acacin, vinilin)	Bari Sulfat 110g	
99	Berberin	Berberine 100mg	
100	Betahistin	Betahistin 16 A.T 16mg	
101	Betahistin	Betaserc 24mg	
102	Betamethason	Best gsv 60ml	
103	Betamethason, Clotrimazol, Gentamicine	Silkron Korea 10g	
104	Betamethasone , Salicylic Acid	Crederm Lotion 40ml	
105	Bisacodyl	Bisacodyl DHG 5mg	
106	Bisoprolol	Biscapro 2.5mg	
107	Bisoprolol	Biscapro 5mg	
108	Bisoprolol	Concor 5mg	
109	BISOPROLOL	Concor Cor 2.5mg	
110	Brinzolamid	Azopt 1% 5ml 1s	
111	Bromhexin (hydroclorid)	Bromhexin - (DMC) 8mg	
112	Bromhexin (hydroclorid)	Bromhexine Inj 4mg/2ml	
113	Budesonid	Benita 64mcg	
114	Budesonid	Pulmicort respules 500mcg/ 2ml	
115	Budesonid+ formoterol	Symbicort Turbuhaler 60 dose 160mcg + 4,5mcg	
116	Bupivacaine	Marcaine Spinal heavy 0.5% 4ml	
117	Cafein	BFS-Cafein 30mg	
118	Calci carbonat + vitamin D3	Caldihasan 1250mg + 125 IU	
119	Calci carbonat+ calci gluconolactat	Calcium Stella 0,3g + 2,94g	
120	Calci clorid dihydrat	Calci clorid Inj 500mg/ 5ml	
121	Calci lactat	Calcium Lactate 300mg	
122	Calcipotriol	Daivonex 30g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
123	Calcitriol	Calcitriol 0.25mcg	
124	Calcium carbonate, Liquorice, Calcium phosphate , Vegetable charcoal.	Carbogast 400mg + 100mg + 200mg + 400mg	
125	Calcium glubionat 1469,30mg; Calcium lactobionat 319,91mg	Calcium Corbiere Extra Kids 5ml	
126	Calcium glubionat 2938,58mg; Calcium lactobionat 639,83mg	Calcium Corbiere Extra 10ml	
127	Cao khô lá thường xuân	Prospan 75ml	
128	Capecitabine	Capelodine 500mg	
129	Captopril	Captopril (DMC) 25mg	
130	Carbamazepin	Cazerol 200mg	
131	Carbetocin	Duratocin 100mcg/ml	
132	Carvedilol	Savi Carvedilol 12,5mg	
133	Cefepime	Maxapin 1g	
134	Cefixim	Mecefix- B.E 150mg	
135	Cefixim	Mecefix-B.E 250mg	
136	Cefixim	Mecefix-B.E 75mg	
137	Cefixime	Crocin 200mg	
138	Cefixime	Crocin Kid 100mg	
139	Cefoperazon + sulbactam*	Prazone-S 1g + 1g	
140	Cefotaxim	Taxibiotic 1g	
141	Cefotaxim	Tenamyd-Cefotaxime 1g	
142	Cefpodoxim	Cebest 50mg	
143	Ceftazidim	Ceftazidime EG 1g	
144	Ceftazidim	Tenamyd-Ceftazidime 1g	
145	Ceftriaxon	Triaxobiotic* 1000mg	
146	Ceftriaxon	Triaxobiotic* 500mg	
147	Ceftriaxon	Vietcef 1000mg	
148	Cefuroxim	Furocap 250mg	
149	Cefuroxim	Negacef 500mg	
150	Cefuroxime	Quincef 125mg	
151	Cefuroxime	Zinnat 250mg	
152	Cefuroxime	Zinnat Suspension 125mg/5ml	
153	Celecoxib	Celecoxib 200mg	
154	Cetirizin	SaViCertiryl 10mg	
155	Chloroquine	Cloroquin 250mg	
156	Chlorpheniramine	Chlopheniramin DMC 4mg	
157	Cinnarizin	Vinphastu 25mg	
158	Ciprofloxacin	Ciprobay IV 200mg/100ml	
159	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin EG 500mg	
160	Ciprofloxacin	Oteotan 1mg/0,5ml	
161	Cisplatin	Cisplatin "EBEWE" 50mg/100ml	
162	Clarithromycin	Clarithromycin 500mg	
163	Clarithromycin	Clarithromycin 250mg	
164	Clarithromycin	Remeclar 500mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT ĐƯỢC	GHI CHÚ
165	Clindamycin	Dalacin C Cap 300mg	
166	Clindamycin	Clindacine 600 600mg/4ml	
167	Clohexidin digluconate 0.2%	Medoral 250ml	
168	Clopidogrel	G5 Duratrix 75mg	
169	Clopidogrel	Platarex 75mg	
170	Clopidogrel	Plavix 300mg	
171	Clopidogrel	Plavix 75mg	
172	Clorpromazin (hydroclorid)	Aminazin 1,25% 2ml 1,25%/2ml	
173	Clorpromazin (hydroclorid)	Aminazin 25mg	
174	Clotrimazole	Candid 1% Ear Drops 15ml	
175	Colchicin	Colchicin 1mg	
176	Cồn boric	Cồn Boric 3% Chai 10ml	
177	Dapagliflozin	Forxiga 10mg	
178	Dapagliflozin + Metformin	XigDuo Xr 10mg/1000mg	
179	Deferiprone	A.T Deferiprone 500mg	
180	Desflurane	Suprane	
181	Desloratadin	A.T Desloratadin 2,5mg/5ml	
182	Desloratadin	Deslora 5 mg	
183	Desogestrel + Ethinyl estradiol	Novynette	
184	Dexamethasone	Dexamethasone 0,5mg	
185	Dexamethasone	Dexamethasone inj (Vĩnh Phúc) 4mg	
186	Dextromethophan HBr 5mg, Clopheniraminmaleat 1.33mg, Trisodium Citrat dihydrat 133mg, Ammonium chlorid 50mg,...	Atussin syrup 60ml	
187	Dibenzozide	Dobenzic 2mg/1,5g	
188	Diclofenac	Diclofenac 50mg	
189	Diclofenac	Diclofenac 50mg	
190	Diclofenac	Diclofenac Inj 75mg	
191	Diclofenac	Voltaren Suppo 100mg	
192	Diclofenac kali	Cataflam 25mg	
193	Digoxin	Digoxin - BFS 0,25mg/ml	
194	Digoxin	DigoxineQualy 0.25mg	
195	Dimenhydrinat	Dimenhydrinat 50mg	
196	Diosmectit	Smecta 3g	
197	Diosmin + Hesperidin	Daflon 500mg	
198	Diphenhydramin	Dimedrol 10mg/ml	
199	Diphenhydramin HCl	Dimedrol 10mg/ml	
200	Dobutamine hydrochloride	Dobutamine-Hameln 12,5mg/ml	
201	Domperidon	A.T Domperidon 1mg/1ml chai 30ml	
202	Domperidone	Dotium 10mg	
203	Domperidone	Motilium suspension 30ml	
204	Domperidone	Motilium suspention 60ml	
205	Donepezil hydrochloride	Aricept Evess 10mg	
206	Doxycyclin	Doxycyclin (DV) 100mg	
207	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte 80mg	
208	Drotaverin clohydrat	No-Spa Forte 80mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
209	Drotaverin clohydrat	Ramasav 40mg	
210	Dung dịch sorbitol	Sorbitol 3.3% 1000ml	
211	Dutasterid	Avodart Cap 0.5mg 0.5mg	
212	Dydrogesterone	Duphaston 10mg	
213	Ebastin	Atirin 10mg	
214	Efaviren	Efavirenz Stada 600mg	
215	Empagliflozin	Jardiance 25mg	
216	Enalapril	Meyerlapril 10mg	
217	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane 40mg/0,4ml	
218	Enoxaparin (natri)	Gemapaxane 60mg/0,6ml	
219	Enoxaparin (natri)	Lovenox 40 Inj 40mg/ 0,4ml	
220	Eperisone hydrochloride	Zonaxson Tab 50mg	
221	Epinephrin (adrenalin)	Adrenalin 1mg/ml	
222	Esomeprazol	Jiraek-20 20mg	
223	Esomeprazol	Stadnex CAP 40mg	
224	Esomeprazole	Nexium 40mg	
225	Esomeprazole	Nexium Inj 40mg	
226	Esomeprazole	Nexium sac 10mg	
227	Ethambutol hydrochloride	Ethambutol 400mg	
228	Ethinylestradiol/chlormadinon acetat	Belara 0.03mg/2mg	
229	Etifoxin chlohydrat	Stresam 50MG	
230	Etonogestrel	Implanon NXT 68mg	
231	Eucalyptol+Menthol+ Tinh dầu	Tragutan 100mg+0.5mg+50mg	
232	Ezetimibe	Sezstad 10 (ĐK) 10mg	
233	Famotidin	Famotidin 40mg	
234	Famotidin	Vinfadin 20mg/2mL	
235	Felodipin	Felodipin Stada retard 5 mg	
236	Fenofibrat	Fenostad . 200mg	
237	Fenoterol + ipratropium	Berodual 10ml	
238	Fexofenadin	Danapha - Telfadin 60mg	
239	Fexofenadin hydroclorid	Telfast HD 180mg	
240	Fluconazole	Fluconazole Stella 150mg	
241	Flunarizin	Fluzinstad 5mg	
242	Flunarizin	Sibetinic 10 10mg	
243	Fluorometholon 0.1%	Flumetholon 0.1% 5ml	
244	Fluoxetine	Fluotin 20mg	
245	Flurbiprofen	Strepsils Maxpro 8,75mg	
246	Fluticason propionat	Flixonase Nasal Spray 0.05%	
247	Fluticason propionat	Meseca	
248	Fluticasone propionate	Flixotide Evohaler Spray 125mcg	
249	Fosfomicin sodium	Fosmicin- S for Otic 300mg	
250	Fosfomicin sodium	Fosmicin Tab 500mg	
251	Furosemid	Agifuros 40mg	
252	Furosemid	Vinzix 20mg/2ml	
253	Gabapentin	SaVi Gabapentin 300mg	
254	Gelatin Succinatated	Gelofusine 500ml	
255	Gemcitabin hydroclorid	Gemita 1g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
256	Gentamicin	Gentamycin 80mg/2ml	
257	Ginkgo biloba	Gintecin 40mg	
258	Gliclazid	Diamicon MR 30mg	
259	Gliclazid	Diamicon MR Tab 60mg	
260	Gliclazid	Pyme Diapro MR 30mg	
261	Glimepirid	Glimegim 2mg	
262	Glimepirid	Glimegim 4mg	
263	Glucosamin	Glucosamin 500mg	
264	Glucose	Dextrose 30% 250ml	
265	Glucose	Dextrose 10% 250ml	
266	GLYCERIN	Rectiofar 3ml	
267	Glycerin	Rectiofar 5ml	
268	Glycerol	Stiprol 9g	
269	Glyceryl trinitrat	Nitromint Aerosol 80mg	
270	Glyceryl trinitrat(Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 10mg/10ml	
271	Glycopyrronium + Indacaterol	Ultibro Breezhaler (V) 50mcg+110mcg	
272	Heparin (natri)	Heparin-Belmed 25000 IU/5ML	
273	Huyet thanh uon van	SAT 1500UI	
274	Hydrochlorothiazid	Thiazifar 25mg	
275	Hydrocortison	Huhajo 10mg	
276	Hydrocortison	Vinphason 100mg	
277	Hydrocortison natri succinat	Hydrocortison 100mg	
278	Hydroquinone 4%	Lucosole Cream 15g	
279	Hyoscin butylbromid	Atithios Inj 20mg/1ml	
280	Hypromellose 0.3%	Syseye 0.3% 15ml	
281	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup 20mg/ml Chai 60ml	
282	Ibuprofen	I Pain 400mg	
283	Ibuprofen	Ibrafen sp 100mg/5ml, 60ml	
284	Imidapril	Imidagi 5mg	
285	Imipenem + Cilastatin	Pythinam 500mg+ 500mg	
286	Iopromide	Thuốc CQ Ultravist 300mg/100ml	
287	Iopromide	Thuốc CQ Ultravist 370mg/100ml	
288	Irbesartan	Aprovel 150mg	
289	Irbesartan	Sunirovel 150mg	
290	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	Co Aprovel 150mg + 12.5mg	
291	Isoniazid	Meko inh 150mg	
292	Isosorbid (dinitrat hoặcmononitrat)	Isosorbid 10mg	
293	Isosorbid mononitrate	Imdur 60mg	
294	Isosorbid mononitrate	Imdur Tab 30mg	
295	Ivabradin	Nisten 5mg	
296	Ivermectin	A.T Ivermectin 3mg	
297	Kali clorid	Kaleorid 600mg	
298	Kẽm gluconat	A.T Zinc siro 10mg/5ml 60ml	
299	Kẽm gluconat	A.T ZinC Siro 10mg/5ml x 5ml	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
300	Kẽm gluconat 70mg tương đương 10mg	Farzincol 10mg	
301	Ketoconazol	Nizoral cream 5g	
302	Ketoprofen	Fastum Gel 30g	
303	Ketorolac	Movepain 30mg/ml	
304	Lactulose	Duphalac 15ml	
305	Lactulose	Laevolac 10g/15ml	
306	Lamivudin	A.T Lamivudin 100mg	
307	Lamivudin + Zidovudin	Lamzidivir Stada 150mg + 300mg	
308	Lansoprazol	Lansoprazol 30mg	
309	Lansoprazol	Lansoprazol 30mg	
310	Lansoprazol	Gastevin 30mg	
311	Letrozole	Femara 2,5mg	
312	Levodopa, Benserazide	Madopar Tabs 200mg + 50mg	
313	Levofloxacin	Cravit 25mg/5ml (0,5%)	
314	Levofloxacin	Novocress Infusion 5mg/ml 100ml	
315	Levofloxacin	Tavanic 500mg	
316	Levofloxacin	Dovocin 500mg	
317	Levothyroxin	Berlthyrox 100mcg	
318	Lidocain	Lidocain Spray 10% 38g	
319	Lidocain	Xylocaine jelly 2%	
320	Lidocaine	Lidocain (Vĩnh Phúc) 40mg/2ml	
321	Lidocaine, Prilocaine , Carbomer, Marcogolglycerol , sodium hydroxide	Emla Cream 5g	
322	Linezolid	Idomagi 600mg	
323	Lisinopril	Lisinopril Stella 10mg	
324	L-isoleucine, L Leucine, L- valine	Livact granules 4.15g	
325	L-Lysin, Vitamin, Canxi	Lysinkid 100ml	
326	Loperamid	Imodium 2mg	
327	L-ornithine , L-aspartat	Livethine 2g	
328	Lornoxicam	Vocfor 4mg	
329	Losartan	Pyzacar 25mg	
330	Losartan	SaVi Losartan 50mg	
331	Lynestrenol	Orgametril Tab. 5mg	
332	Macrogol (polyethylen glycol hoặc polyoxyethylen glycol)	Forlax 10g	
333	Macrogol + sodium sulfate+ Bicarbonate	Fortrans Sac 73.69g	
334	Magnesi aspartat+ kali aspartat	Panangin 175mg + 166,3mg	
335	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Chalme 800,4mg + 611,76mg/15g	
336	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15% 0,15g	
337	Malva purpurea + camphomonobromid + xanh methylen	Domitazol	
338	Mebendazole	Fugacar (tablet) 500mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
339	Mecobalamin	Mebaal 1500mcg	
340	Mecobalamin	Methycobal 500mcg	
341	Meloxicam	Coxnis 7,5mg	
342	Meloxicam	Mobic inj 15mg	
343	MELOXICAM	Mobic tab 7,5mg	
344	Menotropin	IVF-M INJ 75IU	
345	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	Pizulen 500mg	
346	Meropenem trihydrat	Pimenem 500mg	
347	Metformin	Glucophage Xr Tab 500mg	
348	Metformin	Glucophage Xr Tab 750mg	
349	Metformin	Metsav 1000mg	
350	Methotrexate	Methotrexat 50mg	
351	Methyl prednisolon	Depo- Medrol 40mg/ml	
352	Methyl prednisolon	Medrol 16mg	
353	Methyldopa	Agidopa 250mg	
354	Methylprednisolone	Menison Inj 40mg	
355	Metoclopramid	Vincomid 10mg/2ml	
356	Metoprolol	Betaloc Zok 28's 50mg	
357	Metronidazol	Metronidazol - (DMC) 250mg	
358	metronidazol	Metronidazol 250mg	
359	Metronidazol	Metronidazol Kabi 500mg/100ml	
360	Metronidazole + Spiramycine	Dorogyne 125mg + 750.000IU	
361	Metronidazole+ Miconazole nitrate+ Lidocaine	Neo-Penotran forte L 750mg+200mg+100mg	
362	Miconazole	Daktarin oral gel 10g	
363	Mifepriston	Mifestad 200mg	
364	Misoprostol	Misoprostol (BK) 200mcg	
365	Mometason Furoat USP	Sagamome Cream 20g	
366	Monobasic Sodium Phosphate , Dibasic Sodium Phosphate	Fleet Enema (19g+7g)/133ml	
367	Montelukast sodium	Singulair Tab 5mg	
368	Moxifloxacin	Avelox Tab 400mg	
369	Moxifloxacin	Moxifloxacin 400mg/250ml	
370	Moxifloxacin	Rvmoxi 400mg/100ml	
371	Moxifloxacin 0,5% + dexamethason 0,1%	Vigadexa drop 5ml 0.5% + 0.1%	
372	Moxifloxacin hydrochloride	Vigamox drop 0.5%/5ml	
373	Multi-Vitamin	Obimin Tab	
374	N-acetylcystein	ACC Sus. 200mg	
375	N-acetylcystein	Acetylcystein 200mg	
376	N-acetylcystein	Effer - Acehasan 100mg	
377	N-Acetyl-dl-Leucine	Atileucine inj 500mg/5ml	
378	Naloxon (hydroclorid)	Naloxone-hameln Inj 0.4mg/ml	
379	Natri clorid	Natri Clorid 0,9% 10ml	
380	Natri clorid + natri bicarbonat + kali clorid + dextrose khan	Hydrite 0,35g + 0,25g + 0,15g + 2g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
381	Natri hyaluronat	Tearbalance ophthalmic solution 0.1% 1mg	
382	Natri hyaluronat tinh khiết	Sanlein 0,1/5ml	
383	Natri Hydrocarbonat	Sodium Bicarbonate 4.2% 250ml	
384	Natri montelukast	Atilair sac 4mg	
385	Natri montelukast	Meyerlukast 10mg	
386	Natriclorid	Nacl 0,45% /500ml	
387	Natriclorua	Efticol 0,9% 10mL	
388	Nefopam (hydroclorid)	Acupan 20mg	
389	Neomycin+ Dexamethason+Polymycin B	Mepoly 10ml	
390	Neostigmin metylsulfat	Neostigmine-hameln injection 0.5mg/ml	
391	Nhôm hydroxyd gel khô 460mg , Magnesi hydroxyd 400mg, simethicon 50mg	Aquima 10ml	
392	Nicorandil	Nikoramyl 5 5mg	
393	Nicotinamid	Vitamin PP (MKP) 500mg	
394	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard 20mg	
395	Nifedipine	Adalat LA 30mg	
396	Nifedipine	Macorel 30mg	
397	NƯỚC CÁT	NƯỚC CÁT 500ml	
398	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	
399	Nước Oxy già 3% 1000ml	Nước Oxy già 3% 1000ml	
400	Nystatin	Nystafar 100000UI	
401	Ofloxacin	Oflovid 15mg/5ml	
402	Ofloxacin	Oflovid Ointment 3.5g	
403	Ofloxacin	RemeciloX 200mg	
404	Olanzapin	Olangim 10mg	
405	Omeprazol	Ocid IV 40mg	
406	Omeprazole	Omeprazol Stada 20mg	
407	Ondansetron	Ondanov Injection 8mg	
408	Ondansetron	Ondanov Tab 8mg	
409	Oxacillin	Euviocin 500mg	
410	Oxy già 60ml	Oxy già 60ml	
411	Panthenol	Panthenol 10g	
412	Pantoprazol	Pantocid IV 40mg	
413	Pantoprazol	Pantoloc 40mg	
414	Pantoprazol	Pantoloc I.V 40mg	
415	Pantoprazol	SaVi Pantoprazole 40mg	
416	Paracetamol	Effergal sachets 150mg	
417	Paracetamol	Effergal 500mg	
418	Paracetamol	Effergal sachets 80mg	
419	Paracetamol	Paracetamol STADA 250mg	
420	Paracetamol	Partamol EF 500mg	
421	Paracetamol	Sara Siro Cam 250/5ml x 60ml	
422	Paracetamol	Tatanol 500mg	
423	Paracetamol (acetaminophen)	Effergal 300mg	
424	Paracetamol (acetaminophen)	Effergal Suppo 150mg	
425	Paracetamol (acetaminophen)	Effergal suppo 80mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
426	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	Cerebrolysin 10ml	
427	Perindopril	Comegin 4mg	
428	Perindopril	Coversyl 10mg	
429	Perindopril	Coversyl 5mg	
430	Perindopril + Indapamide	Coversyl Plus 5mg/1.25mg	
431	Perindopril arginine / Amlodipine	Viacoram 7mg/5mg	
432	Phenylephrine	Phenylephrine Aguettant 50mcg/ml	
433	Phenytoin	Phenytoin 100mg	
434	Phytomenadion (vitamin K1)	VINPHYTON 10mg/ml	
435	Piperacilin + tazobactam	Vitazovilin I.V 3g + 0.375g	
436	Piperacillin/Tazobactam	Piperacillin/Tazobactam Kabi 2g/0.25g	
437	Piracetam	Cerahead 800mg	
438	Piracetam	Cetampir 800mg	
439	Piracetam	Natrapyl 1g	
440	Polysaccharide Iron complex + Cyanocobalamin 0,1% + Acid folic	HemOQ MOM	
441	Povidon iodid	Povidin 5% 20ml	
442	Povidon iodid	Povidine 10% 90ml	
443	Povidon iodid	Povidine 10%ml	
444	Povidon iodid	Povidine PK 10% 90ml	
445	Povidon iodid	POVIDON IOD - OPC 10%ml	
446	Povidon iodin	PVP - Iodine 10% 20ml	
447	Pravastatin	Hypevas 10mg	
448	Praziquantel	Distocide 600mg	
449	Prednisolon	Predstad 20mg	
450	Prednisolone	Soredon NN 5 5mg	
451	Prednison	Prednison 5mg	
452	Pregabalin	Lyrica 75mg	
453	Progesteron	Utrogestan 200mg	
454	Progesterone	Cyclogest 400mg	
455	Promethazin (hydroclorid)	Pipolphen 50mg/2ml	
456	Promethazin (hydroclorid)	Pipolphen 50mg/2ml	
457	Promethazine hydrochloride	Promethazin Cream 10g	
458	Proparacain hydroclorid	Alcaine 0.5% 15ml	
459	Propofol	Fresofol MCT/LCT 1% 20ml	
460	Pyrazinamide	Pyrazinamide 500mg	
461	Pyridostigmin bromid	Mestinon S.C Tab 60mg	
462	Rabeprazol	Happi 20mg	
463	Racecadotril	Racedagim 10mg	
464	Racecadotril	Racedagim 30mg	
465	Reamberin 1.5% 400ml	Reamberin 1.5% 400ml	
466	Rebamipid	Ayite 100mg	
467	Rifampicin	Rifampicin 300mg	
468	Rivaroxaban	Xarelto 10mg	
469	Rivaroxaban	Xarelto 20mg	
470	Ropivacaine hydrochloride	Anaropin Inj (0.2%) 2mg/ml	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
471	Rosuvastatin	Courtois 10mg	
472	Rosuvastatin	Crestor tab 10mg	
473	Rosuvastatin	Ravastel-20 20mg	
474	Rowatinex	Rowatinex	
475	Saccharomyces boulardii	Bioflora 100mg	
476	Sacubitril/Valsartan	Uperio 100mg	
477	Salbutamol	Atisalbu 2mg/5ml	
478	Salbutamol	Ventolin Inh 100mcg	
479	Salbutamol (sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml	
480	Salbutamol (sulfat)	Ventolin Nebules 5mg/2,5ml	
481	Salbutamol + ipratropium	Combivent 2.5mg+0.5mg/ 2.5ML	
482	Salmeterol + fluticason propionate	Seretide Evoharler 125 25mcg + 125mcg	
483	Salmeterol + fluticason propionate	Seretide Evoharler 250 25mcg + 250mcg	
484	Sắt , Mangan , Đồng	Bifehema 50mg + 1,33mg + 0,7mg	
485	Sắt hydroxyd polymaltose	Femalto 30ml	
486	Sắt Sucrose	Haem up Injection 20mg/ml	
487	Sắt sulfat + Folic acid	Pyme Feron B9 50mg+0.35mg	
488	Scandonest 3% Plain	Nha thuốc tê septodon 3% (Scandonest 3% Plain)	
489	Sertraline	Lexostad 50mg	
490	Sevoflurane	Sevorane 250ml	
491	Sildenafil	Viagra Tab 100mg	
492	Simethicon	Air-X 120mg	
493	Simethicon	Air-X drops 15ml	
494	Simethicon	Air-X tab. hương vị cam 80mg	
495	Simethicone	Espumisan L 40mg/ml	
496	Sitagliptin + Metformin	Janumet 50mg/850mg	
497	Sodium alginate, Sodium bicarbonate, Calcium carbonate	Gaviscon Suspension 500mg;267mg;160mg	
498	Sorbitol	Sorbitol (Danapha) 5g	
499	Sorbitol	Sorbitol Stada 5g	
500	Spiroolacton	Domever 25mg	
501	Sucralfat	A.T Sucralfate 1g	
502	Sugammadex	Bridion inj (ml) 100mg/ml 2ml	
503	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Sulfaprim F 800mg + 160mg	
504	Sulfogaiacol 100mg+ Grindelia 20mg+ Codeine camphosulfonate 25	Neo-codion	
505	Sulpirid	Spirilix 50mg	
506	Sylimarin	Liverton 140mg	
507	Teicoplanin	Targosid 400mg/3ml	
508	Telmisartan	Teli 40mg	
509	Telmisartan + hydroclorothiazid	Telzid 80/12.5 (80mg +12,5mg)	
510	Tenofovir (TDF)	Tenfovir 300mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
511	Tenofovir Alafenamide	Hepbest 25mg	
512	Terbutalin	Bricanyl Inj 5's 0,5mg/ml	
513	Tetracain	Tetracain 0.5% 10ml	
514	TETRACYCLIN	Tetracyclin 500mg	
515	Tetracycline	Tetracyline 1% 5g	
516	Thiamazole	Thyrozol 5mg	
517	Tianepine	Stablon 12.5mg	
518	Ticagrelor	BRILINTA 90mg	
519	Timolol	TIMOLOL MALEATE EYE DROPS 0,5% ml	
520	Tinidazole	Tinidazol DMC 500mg	
521	Tobramycin 3mg/ml	Tobrex Drop 3mg/ml	
522	Tobramycine + dexamethasone	Tobradex drops 5ml	
523	Tofisopam	Grandaxin 50mg	
524	Tolperison	Myopain 150mg	
525	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	Paratramol 37.5mg + 325mg	
526	Tranexamic acid	Cammic Inj 250mg/5ml	
527	Triamcinolon acetonid	Oracortia 0,1 % x 5g	
528	Tricalcium phosphate	Ostocan 0.6g	
529	Trihexyphenidyl (hydroclorid)	Danapha-Trihex 2mg	
530	Trimebutin maleat	Agitritine 200mg	
531	Trimetazidin	SaVi Trimetazidine MR 35mg	
532	Trimetazidine	Vastarel MR 35mg	
533	Tropicamid+phenylephrine	Mydrin-P Eye drop 10ml	
534	Ursodeoxycholic Acid	Savi URSO 300mg	
535	Valproat natri	Dalekine 500mg	
536	Valproat natri	Encorate 200mg	
537	Valproate natri	Depakine 200 mg	
538	Valsartan	Diovan 80mg	
539	Valsartan	Osarstad 80mg	
540	Vancomycin	VAMMYBIVID'S 500mg	
541	Vancomycin HCL	Voxin 1g	
542	Vaselin	Vaselin pure 10g	
543	Velafaxin	Velaxin 75mg	
544	Vildagliptin	Galvus 50mg	
545	Vildagliptin + Metformin	Galvus Met 50mg/850mg	
546	Vinpocetine	Cavinton Forte 10mg	
547	Vitamin A + Vitamin D	Vitamin AD (OPC) 5000IU+400IU	
548	Vitamin B1	Vitamin B1 250mg	
549	Vitamin B1	Vitamin B1 50mg	
550	Vitamin B1	Vitamin B1 Inj 100mg/1ml	
551	Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin B12	Tricobion H5000 50mg + 250mg +5000mcg	
552	Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin B12	Trineuron 50mg + 250mg + 250mg	
553	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	Mangistad 5mg + 470mg	
554	Vitamin C	Cevita 500mg	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
555	Vitamin C	Lanocorbic Caps 500mg	
556	Vitamin C	Vitamin C 250mg	
557	Vitamin C	Vitamin C caps 500mg	
558	Vitamin C	Vitamin C Stella 1g	
559	Vitamin C	A.T Ascorbic Syrup 100mg/5ml	
560	Vitamin C + rutine	Rutin -Vitamin C 50mg + 50mg	
561	Vitamin D3	Babi B.O.N 12.000IU/ lọ 12ml	
562	Vitamin E	Vinpha E 400UI	
563	Vitamin PP	Vitamin PP 50 mg	
564	Xanh methylen	Milian - (OPC) 20ml	
565	Xylometazoline HCL	Otrivin 0.05% 10mL	
566	xylometazoline hydrochloride	Otrivin spray 0.05% 10ml	
567	Zopiclone	Zopistad 7.5mg	
3.3 Thuốc gây nghiện- hướng tâm thần - thuốc tiền chất			
569	Diazepam Injection BP 10mg/2ml	Diazepam	
570	Ephedrine 30mg/ml	Ephedrine	
571	Fenilham 0.1mg/2ml	Fentanyl	
572	Ketamin 500mg/10ml	Ketamin	
573	Midazolam Rotexmedica 5mg/ml	Midazolam	
574	Morphin (hydroclorid) 10mg/ml	Morphin (hydroclorid, sulfat)	
575	Morphin 30mg	Morphin (hydroclorid, sulfat)	
576	Pethidin 100mg/2ml	Pethidin	
577	Phenobarbital 0,1 g	Phenobarbital	
578	Seduxen 5mg	Diazepam	
579	Sufentanil 50mcg/ml 1ml	Sufentanyl	
3.4 Thuốc đông dược			
580	Cao dược liệu (Diệp hạt châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực)	Atiliver Diệp Hạ Châu 800mg, 200mg, 200mg, 200mg	
581	Đảng sâm, Đương quy, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung, Cam thảo, Thục địa...	Bát trân hoàn - (OPC) 70mg+ 128mg+48mg	
582	Thanh cao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đẳng, Bạc hà	Cảm cúm - f 545mg, 273mg, 273mg, 273mg, 273mg, 273mg, 90mg	
583	Sinh địa, Bối mẫu, Cam thảo, Mẫu đơn bì, Huyền sâm, mạch môn, Bạch thược.	Dưỡng âm thanh phế thủy 220ml	
584	bột tỏi, cao nghệ ...	Garlicap viên tỏi nghệ 462mg + 1500mg+12 mg	
585	Muối thảo dược , gừng gió ,ngải cứu, tía tô, lá bưởi, lá khế,lá bàng, lá sim,lá trầu tiên..	Gừng gió. Ngải cứu Tía tô. Bưởi sả chanh. 250g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
586	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mấu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	Hoàn lục vị Bồ Thận Âm 96mg+48mg+36mg..	
587	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Hoastex 90ml	
588	Đinh lăng, Bạch quả	Hoạt huyết dưỡng não (MDS) 150mg + 50mg	
589	Kim tiền thảo, Râu mèo	Kim Tiền Thảo KM 2400mg, 1000mg	
590	Kim tiền thảo	Kim Tiền Thảo MKP 120mg	
591	Thục địa, Đương quy, Bạch thược, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ	Kimazen Bồ Huyết Điều Kinh 10ml	
592	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rút, Sơn tra, Hậu phác nam	Lipidan 440mg, 890mg, 440mg, 440mg, 110mg, 440mg, 560mg, 440mg, 330mg	
593	Lá sen, Vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ	Mimosa - Viên an thần 180mg, 600mg, 600mg, 150mg, 638mg	
594	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế.	Tadimax 2000mg, 666mg, 666mg, 666mg, 83mg, 830mg, 500mg, 8.3mg	
595	Cao dược liệu, Tỷ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, tang bạch di, Thiên môn, Cam thảo	Thuốc ho người lớn -(OPC) 90ml	
596	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử, Bạch linh, Ngũ vị tử, Mấu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, Thạch cao	Tieu Khat Ling Caps 400mg, 200mg, 200mg, 200mg, 200mg, 34mg, 30mg, 30mg, 20mg, 20mg, 100mg	
597	Tân di hoa, xuyên khung, thăng ma, bạch chỉ, cam thảo.	Tỷ Viêm Nang 600mg, 300mg, 300mg, 300mg, 50mg	
598	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi, Râu báp	VG-5 500mg, 1820mg, 350mg, 850mg	
599	Mộc hương, Berberin, Bạch thược, Ngô thù du	Viên đại tràng INBERCO 154,7mg; 40mg; 216mg; 53,4mg	
600	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà	Xoang Vạn Xuân 200mg, 200mg, 200mg, 200mg, 150mg, 200mg, 100mg	
601	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	XoangSpray 1g, 0,5g, 0,5g, 0,008g, 0,006g, 0,004g	
3.5 Sản phẩm không phải là thuốc			
602	Rosa damascena flower distillate, Hylasome™ EG-10, OSMOGELINE, HYMAGIC – AcHA, Vitamin B5	Age Reverse Serum 30ml	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT ĐƯỢC	GHI CHÚ
603	Salicylic Acid, Melaleuca Alternifolia Leaf oil, Lotus Flower Extract	AkneSV18 Skin Moisturizer Cream 15g	
604	Sắt Polymaltose	AlgaFeri Premium 200mg + 30mg + 20mg + 400mcg + 5mcg	
605	Ascorbic Acid, Ferulic Acid, Corthellus Shiitake, Vitamin E ,Hydrolysed Collagen,Hyaluronic acid...	C Enhance-25 15ml	
606	Policosanol , Multivitamin ,Chromium	CD FIT Tablets	
607	citicoline	Citicol 1000mg	
608	Nano-Curcumin, Tea tree oil, Alo vera...	Clinxy - Gel tắm vs phụ nữ 250ml	
609	Aqua, Carbomer,Capsium, PEG-2 Phenyl Ether..	Clinxy - Warming Gel 50g	
610	Bột cao mạch nha, rong biển,cao thì là, cao hồi .	Cốm lợi sữa Lactamom 3g	
611	Hyaluronate Kẽm	Curiosin Gel 15g	
612	Adapalene 0.1%, Acid salicylic.	D79 GSV Cream 15g	
613	Azelaic acid , Coenzyme Q10,Collagen,vitamin E,C	Derma Forte 15g	
614	Sulfur , Salicylic acid, Glycolic acid	Dr.EA ZANTIS soap bar 80g	
615	Sulfur 10%, Glycolic acid 5%, Salicylic acid 2% , ZinC PCA.	Dr.Ea Zolic Body Cleansing Milk 150ml	
616	Sulfur, Salicylic	EGZA-S SALIS Soap bar 80g	
617	0.1% Chlorhexidine digluconate+ 0.5% Chlorobutanol	Eludril Classic mouthwash 90ml	
618	HMB calcium , Panain , Nano curcumin	Fast Paloma 100mg + 10mg + 20mg	
619	Vitamin B6 50mg , Acid folic 200mg , Chiết xuất (gừng , vỏ cam , hạt bạch đậu khấu , men đu đủ)	Fast Pavomin Gold	
620	Axit glycolic,Axit salicylic, Vitamin A,Vitamin E.	FCL Alpha-Beta Acne Gel 30ml	
621	Aqua, Aloe barbadensis, Glyceryl Stearate, PEG-100 stearate, Cyclopentasiloxane, Glycerol,Ascorbate, tocopherol, retinol, acrylates/C10-30 alkyl acrylate crosspolymer, Tocoperyl acetate, Disodium EDTA, Fragrance.	Fixderma CLEOVERA Cream 60g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
622	Urea,Paraffinum Liquidum,Lactic Acid,Glycerol,Cetearyl Alcohol,Stearic Acid,Cyclopentasiloxane.	Fixderma FOOT Cream 60g	
623	Aqua, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Cocomonoeethanolamide, Propanediol (and) Phenethyl Alcohol (and) Undecyl Alcohol (and) Tocopherol, Butylene Glycol, Water	Fixderma KAIRFOLL Shampoo 200ml	
624	Paraffinum liquidum, White soft paraffin, Tocopheryl acetate, Ascorbic Acid, Vitamin E.	Fixderma Lip Balm 15ml	
625	Aqua, Glyceryl Monostearate, Glycerol, Caprylic/ Capric Triglyceride, Aloe barbadensis leaf juice, Stearic acid, Cetearyl Alcohol, Tocopheryl acetate, Disodium EDTA, Allantoin	Fixderma Multi-Active Moisturizing Lotion 150ml	
626	Lactic Acid (Alpha Hydroxyl Acid – AHA), Cetearyl Alcohol (dầu dừa, dầu cọ), Natri PCA (Sodium Pyrrolidone Carboxylic Acid), Allantoin (chiết xuất cây Liên Mộc).	Fixderma NON DRYING Cleanser 60g	
627	Caprylic/ Capric Triglyceride, Water, Alcohol, PEG-35 Castor Oil, Polysorbate 20, Aesculus Hippocastanum (Horse Chestnut) Seed Extract, Retinyl Palmitate, Tocopherol, Inositol, Calcium Pantothenate, Linoleic Acid, Biotin, Hydrolysed Collagen, Vitamin E	Fixderma Preggers Elasticity Lotion 100ml	
628	Sodium Palmitate ,Glycerin ,Salicylic Acid,Triclosan,Melaleuca Alternifolia, Vitamin E , Sodium Palmitate,Sodium Palm Kernelate.	Fixderma SALYZAP SOAP 75g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
629	Allium Cepa (Onion) Bulb Extract (Chiết xuất củ Hành Tây), Lactic Acid (Alpha Hydroxyl Acid – AHA), Aloe barbadensis (Tinh chất Lô hội), Nicotinamide (vitamin B3), Glycerol, Panthenol (vitamin B5), Allantoin (Chiết xuất từ cây Liên Mộc.	Fixderma SCAR GEL 15ml	
630	Kojic Acid Dipalmitate , Magnesium Ascorbyl Phosphate	Fixderma SKARFIX PLUS Cream 15g	
631	Allium Cepa (Onion) Bulb Extract (Tinh chất Hành Tây), Butyrospermum Parkii (Shea Butter) (Chiết xuất Bơ Hạt Mỡ), Aloe Barbadensis (Aloe) (Chiết xuất Nha Đam), Vitamin C.	Fixderma STRALLIUM SRETCH MARK Cream 75g	
632	Folic acid , iodine, vitamin D3, B12	Folio forte	
633	Omega 3 Marine triglycerid, Pyridoxin hydroclorid, Ferrous Fumarate, Cholecalciferol, Thiamin nitrat, Riboflavine, Folic acid, Postassium iodide, D-alphatocopherol.	Forwomen 160mg+5mg+15.7mg+5mg+5mg+6.71mg	
634	Cao bạch quả, Magie, Kẽm..	GinkoPrim Max 120mg	
635	L-Glutathione, Alpha lipoic Acid, Vitamin C.	Glutathione White 800 150mg + 18mg + 18mg	
636	Inuline, Fructo Oligosaccharide, Galacto Oligosaccharide	Infogos 3g	
637	Vitamin E 200IU, Evening Primrose Oil (dầu hoa anh thảo): 250mg, dầu đậu nành, sáp ong trắng, lecithin, gelatin, nipazin, nipazol	Louixa	
638	Azelaic acid , Glycolic Acid (AHA)	Megaduo Gel 15g	
639	Azelaic acid , Glycolic Acid (AHA)	Megaduo Plus Gel 15g	
640	Aqua , Carbomer, aloe barbadensis , Centella asiatica extract , Colloidal silver ...	Mybestie - Nano bạc	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
641	Pyridoxine hydrochloride 7mg ,Thiamine mononitrate 2mg, Cyanocobalamin	Nausema	
642	Collagen , Vitamin C, Kẽm Gluconat.	NaVy ZinC Gold	
643	Alpha amylase, papaine	Neopeptine drop 15ml	
644	Lanolin	NIPcare 15g	
645	ACID AMIN	Nocid	
646	Pycnogenol,chiết xuất tảo, Vitamin E, Vitamin C , lecithin,sáp ong , Gelatin, Sorbitol,Glycerin...	Oreful 80mg	
647	Alpha Lipoic Acid,Vitamin E ,Beta- Carotene (Carotenoids thiên nhiên tương đương 5000 IU Vitamin A).	Oxyraze 50mg + 25mg +10mg	
648	Dexpanthenol, Tetrahydrocur- cuminoids, Nano bạc , Tocopherol, Allantoin,Dầu, hạnh nhân , Na2 EDTA, Acid citric,Glycol,Nước tinh khiết	Panspray Nano Bạc 130g	
649	Myo-inositol, Acid folic	PregnaSitol 2g + 200mcg	
650	Sulphur , Acid Salisilic , Acid Glyconic	Quatid 120ml	
651	Permethrin 1%.	Raileza 120ml	
652	L-cystine 400mg,Dầu gấc,Vitamin E,Vitamin C,Kẽm gluconat.	Rubi GSV	
653	Climbazol, Acid Salicylic, Acid oleric, polyquatenium 7, Tetra sodium EDTA, cetrimoni chloride..	Rudondo New 120ml	
654	Propanol-2,Aloe Barbadensis Leaf Juice (Tinh chất Nha Đam),Tocopheryl Acetate (Vitamin E),Salicylic Acid (BHA),Allantoin.	Salyzap GEL 20g	
655	Propanol-2, Camellia Sinensis (Green Tea) Leaf Extract (Chiết xuất lá Trà Xanh),Tocopheryl Acetate (Vitamin E),Salicylic Acid (BHA),Kaolin.	Salyzap LOTION 20g	

STT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	GHI CHÚ
656	Caprylic/Capric Triglyceride,Caprylyl Methicone (and) PEG-12 Dimethicone / PPG-20 Crosspolymer,Ethylhexyl Methoxycinnamate,Octocrylene,Ethylhexyl Salicylate,Benzophenone-3,Seed Oil,Tocopheryl Acetate,Coffee Arabica.	Shadow SPF 30 Transparent Silicone Gel 30g	
657	Tranexamic Acid, Alpha Arbutin, Vitamin C ,Kojic Acid	Skarfix-TX CREAM 15g	
658	Natri Bicarbonat , Nano bạc , Chlorhexidine digluconat, Glycerol , nước tinh khiết.	Spray - C Nano Bạc 15ml	
659	Sugar, Carbohydrates , Calcium, Magnesium,Potassium, Phosphorus	Supdextrin 400g	
660	Tinh chất kim ngân, Nhân châu, Trần bì, Sâm phương nam	Tambebess 250ml	
661	Permethrin , Hydroxyethane , Propan-1, 2-diol , Propan 1,2,3-triol	Towders Spray 100ml	
662	Tinh dầu (Tần , Gừng , Tràm ,Quế , bạc hà) , đường , mạch nha.	Viên ngâm thảo dược Calytos DMC	
663	Dexpanthenol, Biotin	Well GSV 100mg + 5mg	
664	Aloe barbadensis extract , allium cepa root, niacinamide, DMDM hydantoin, carbomer, PEG-40, perfume,sorberth-30, water...	Young GSV 15g	

PHỤ LỤC III : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 3901250811-001

Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 05 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 11 tháng 03 năm 2020

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ HÙNG DUY - BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HỒNG HUNG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: BRANCH OF HUNG DUY MEDICAL
JOINT STOCK COMPANY - HONG HUNG GENERAL HOSPITAL

Tên chi nhánh viết tắt: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG HUNG

2. Địa chỉ:

*Số 187 Phạm Văn Đồng, Khu phố Hiệp Long, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hoà Thành,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Điện thoại: 0913755034

Fax:

Email: *infor_hungduy@hungduy.com.vn*

Website: *hungduy.com.vn*

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: PHAN CHÂU MINH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/07/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 290644402

Ngày cấp: 22/05/2013

Nơi cấp: Công an Tây Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 76, đường Hùng Vương, khu phố 4, Phường Long
Hoa, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 76, đường Hùng Vương, khu phố 4, Phường Long Hoa, Thị xã Hoà
Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ HÙNG DUY

Mã số doanh nghiệp: 3901250811

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 250 đường Lý Thường Kiệt, khu phố 4, Phường Long Hoa, Thị
xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*



Trần Ngọc Nhung

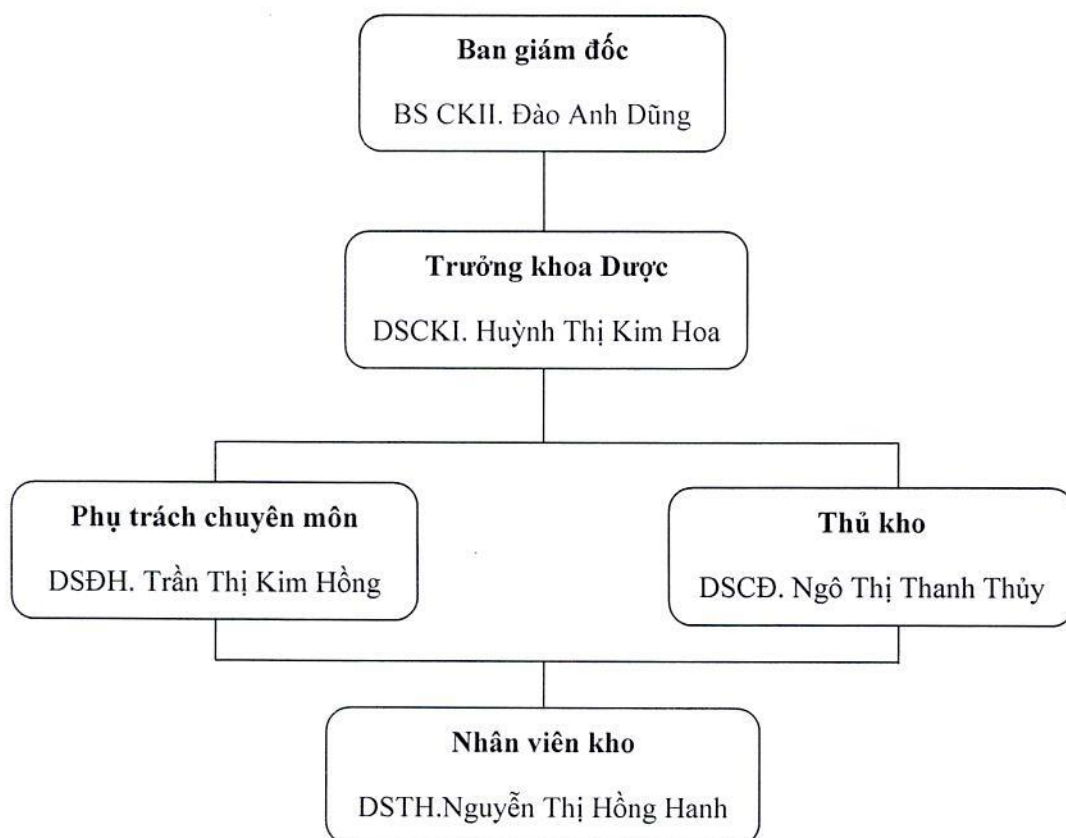
PHỤ LỤC IV – DANH SÁCH CƠ SỞ CÁC HỢP ĐỒNG

STT	TÊN CÔNG TY	TÊN RÚT GỌN
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HÙNG LỢI	HÙNG LỢI
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ	KIM ĐÔ
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	SAVI
4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX	DP VIMEDIMEX
5	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI	TBYT HÀ NỘI
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	3/2.
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHARMEDIC	PHARMEDIC
8	CÔNG TY ROUSSEL VIỆT NAM CN RESANTIS VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	ROUSSEL DƯỢC SÀI GÒN
9	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI	TBYT HÀ NỘI
10	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	TÂM ĐAN
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM	PHA NAM
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG	NAM ĐỒNG
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	VIỆT HÀ
14	CHI NHÁNH MIỀN ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	OPC
15	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1-CHI NHÁNH TPHCM	CPC1 TPHCM
16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	NHẤT ANH
17	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM	PHA NAM
18	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	BÌNH ĐỊNH
19	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẬT ĐỨC	NHẬT ĐỨC

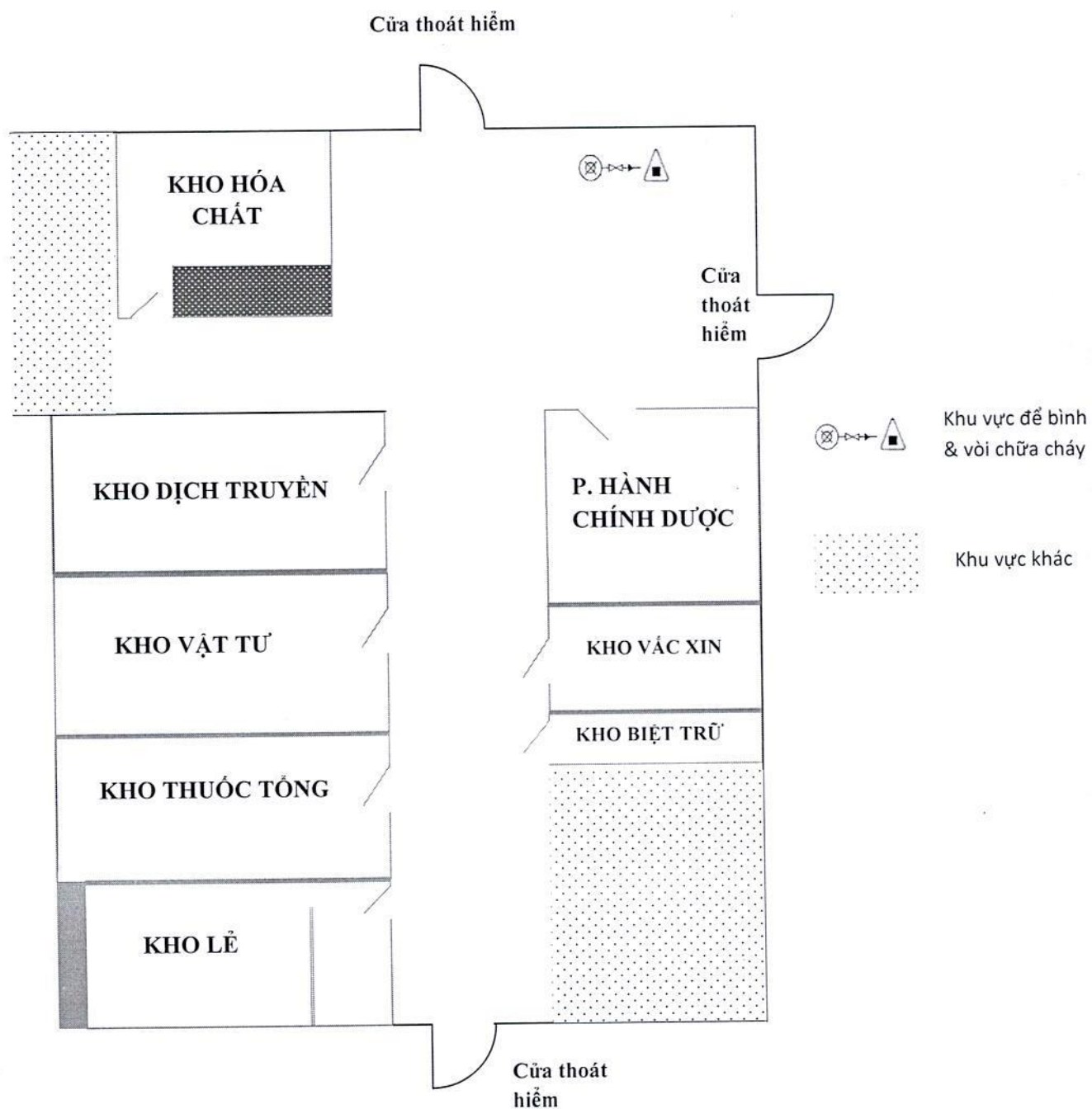
20	Công ty cổ phần dược liệu TRUNG ƯƠNG 2 (Phytopharma)	TRUNG ƯƠNG 2
21	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	BẾN TRE
22	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TTBYT HOÀNG ĐỨC	HOÀNG ĐỨC
23	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SAN TA VIỆT NAM	SAN TA VIỆT NAM
24	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	GON SA
25	CTCPTM DP VÀ TTBYT THUẬN PHÁT	THUẬN PHÁT
26	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	VIMEDIMEX
27	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC VSK	VSK
28	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	KHƯƠNG DUY
29	CÔNG TY TNHH STAR LAB	STAR LAB
30	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS	HELIOS
31	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	VIMEDIMEX
32	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	GON SA
33	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM SEN VÀNG	SEN VÀNG
34	CN CÔNG TY CPTB Y TẾ HÀ NỘI	Y TẾ HÀ NỘI
35	CÔNG TY TNHH MTV MỸ PHẨM MINH PHƯỚC	MINH PHƯỚC
36	Công ty cổ phần dược liệu TRUNG ƯƠNG 2 (Phytopharma)	TRUNG ƯƠNG 2
37	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MKT	MKT
38	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	ĐẠI NAM HÀ NỘI
39	Công ty cổ phần dược liệu TRUNG ƯƠNG 2 (Phytopharma)	TRUNG ƯƠNG 2
40	CÔNG TY TNHH DP VÀ TTTB Y TẾ HOÀNG ĐỨC	HOÀNG ĐỨC
41	CÔNG TY CỔ PHẦN TTBYT-DP HIỆP NHẤT	HIỆP NHẤT

42	CÔNG TY TNHH DP - TTBYT THỊNH PHÁT	THỊNH PHÁT
43	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Y TẾ THÁI AN	THÁI AN
44	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	GIGAMED
45	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	VIMEDIMEX
46	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VICTORY	VICTORY
47	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Y TẾ DOMESCO	DOMESCO
48	CÔNG TY TNHH MTV TMDV MÂY VÀNG	MÂY VÀNG
49	CÔNG TY TNHH TBY KHOA TÂM AN	TÂM AN
50	Công ty cổ phần dược liệu TRUNG ƯƠNG 2 (Phytopharma)	TRUNG ƯƠNG 2
51	Chi nhánh miền đông - Công ty cổ phần dược phẩm OPC	OPC
52	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TH - CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ PHÚ THÀNH	TH- PHÚ THÀNH
53	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWON	SHINPOONG DAEWON
54	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SQ	SQ
55	CÔNG TY CỔ PHẦN DP HƯỚNG VIỆT	HƯỚNG VIỆT
56	CÔNG TY TNHH TM NUTRI MIỀN NAM	NUTRI MIỀN NAM
57	Công ty cổ phần dược liệu TRUNG ƯƠNG 2 (Phytopharma)	TRUNG ƯƠNG 2
58	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	BẾN TRE
59	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	GON SA

PHỤ LỤC V – SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHO



PHỤ LỤC VI - 1 : BẢN VẼ SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHO



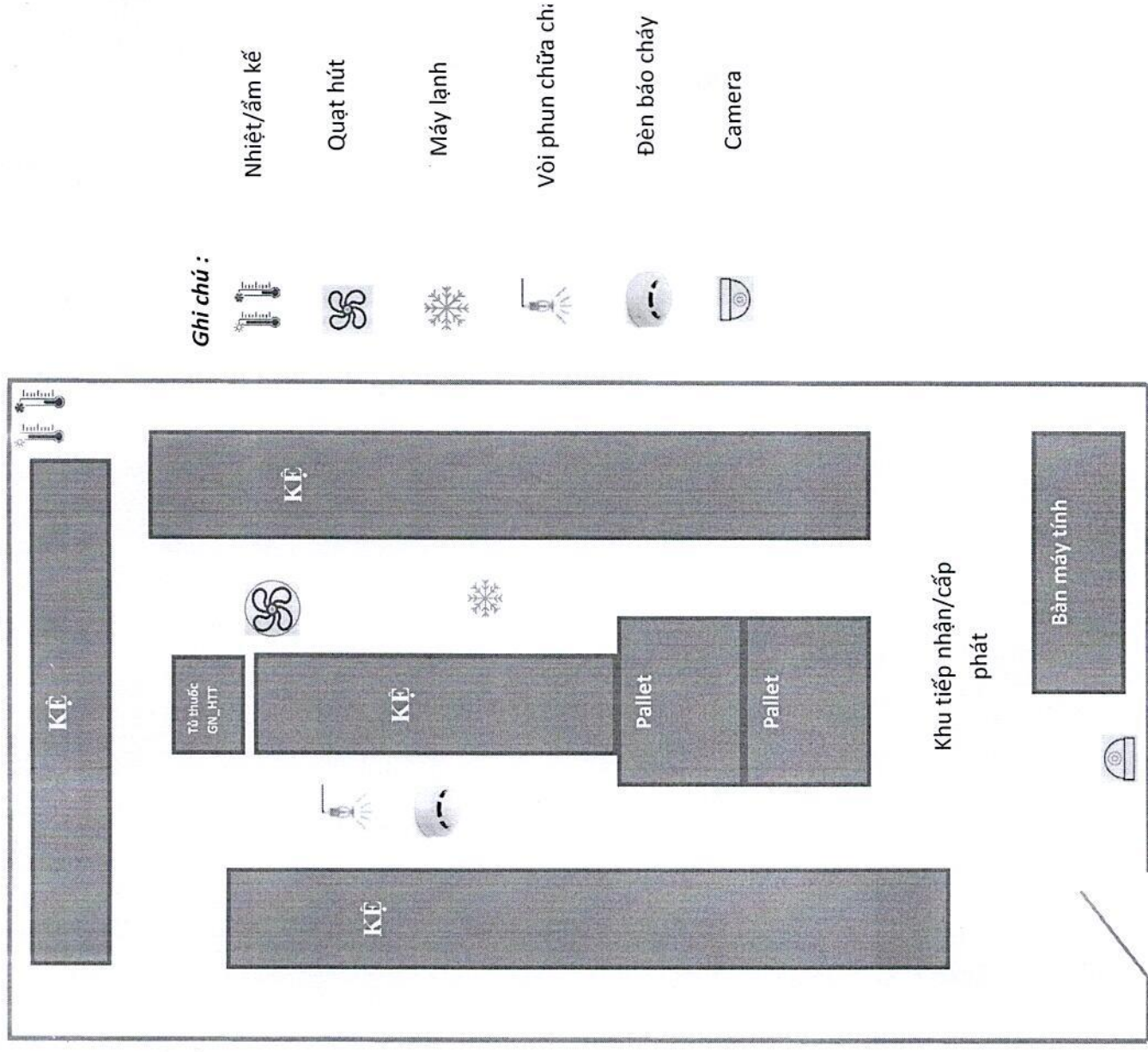
PHỤ LỤC VI-2 :BẢN VẼ TỔNG QUAN BỐ CỤC KHO

1.KHO THUỐC TỔNG

- *Chức năng* : Nhập, bảo quản, cấp phát các loại thuốc:
 - Thuốc hóa dược
 - Thuốc có nguồn gốc dược liệu
 - Thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, thuốc tiền chất
 - Sản phẩm không phải là thuốc (dược mỹ phẩm, thực phẩm chức năng)

- *Điều kiện bảo quản:*

Điều kiện thường : nhiệt độ từ 15°C-25°C, độ ẩm ≤ 75%



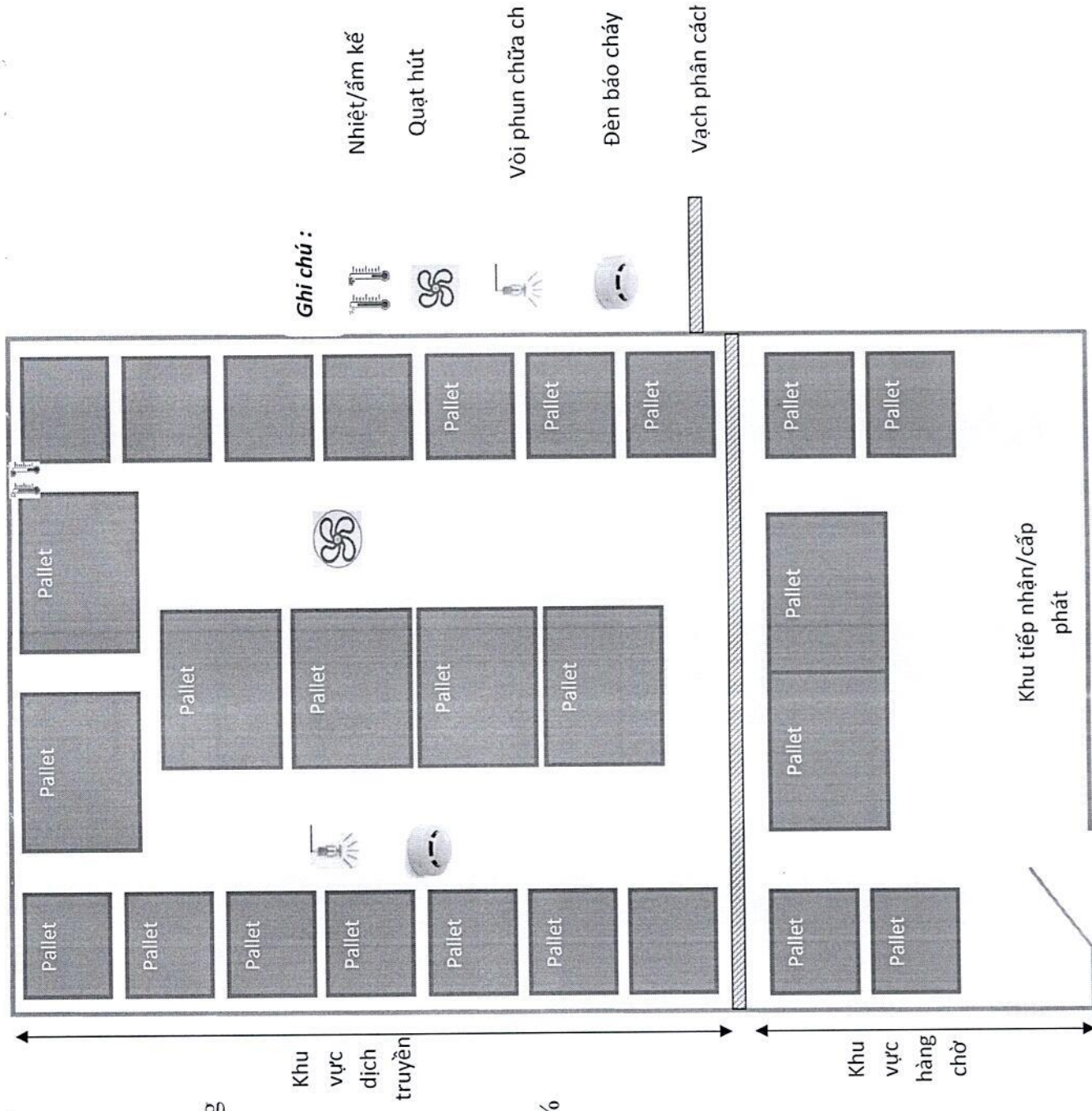
2. KHO DỊCH TRUYỀN

- **Chức năng** : Nhập, bảo quản, cấp phát các loại dung dịch tiêm truyền

- Thuốc truyền
- Dung dịch truyền dinh dưỡng
- Dung dịch truyền điện giải...

- **Điều kiện bảo quản**:

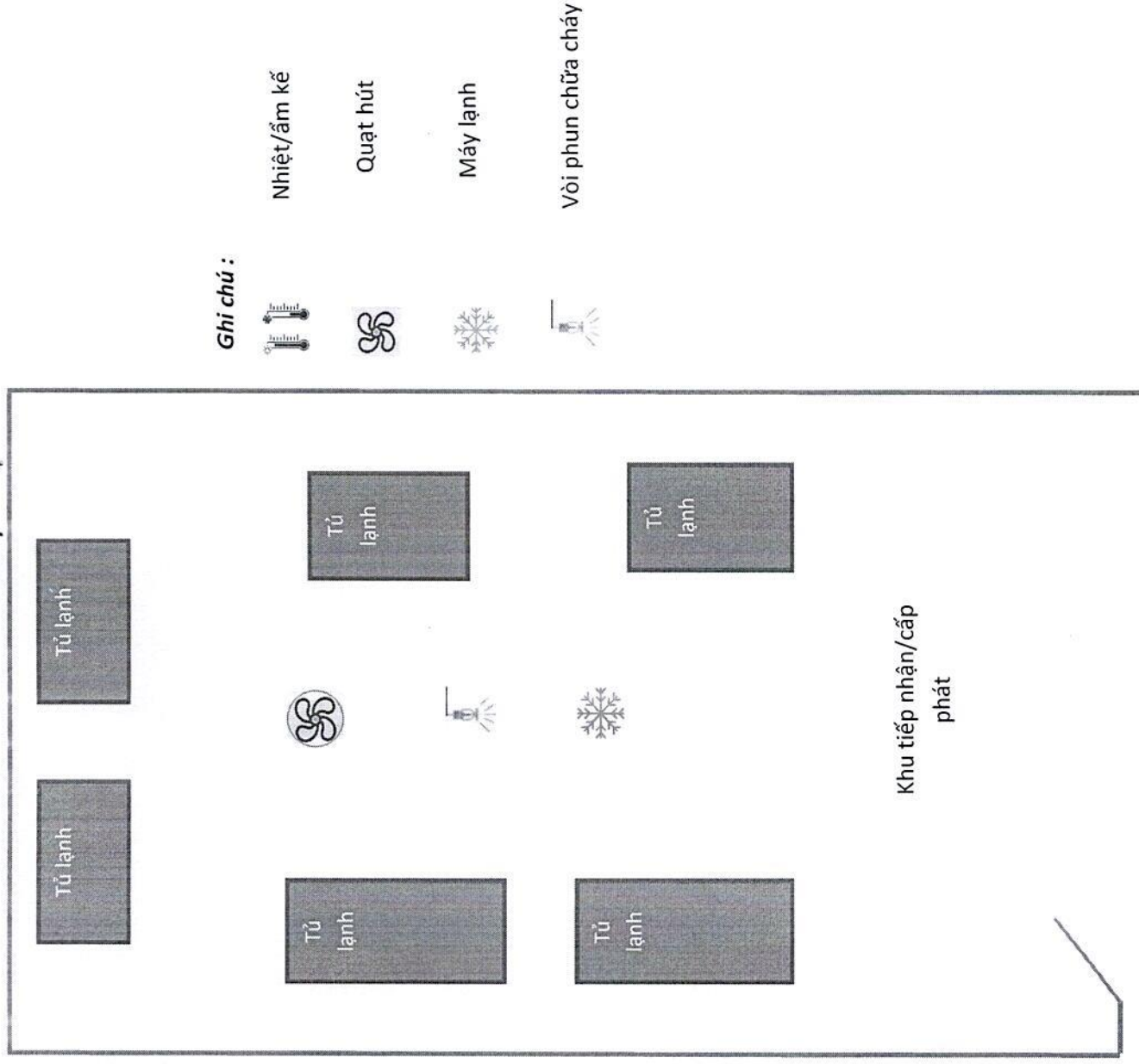
Điều kiện thường : nhiệt độ từ 15°C-30°C, độ ẩm ≤ 75%



3. KHO THUỐC LẠNH

- **Chức năng** : Nhập, bảo quản, cấp phát các loại
 - Thuốc bảo quản lạnh
 - Sinh phẩm bảo quản lạnh
- **Điều kiện bảo quản:**

Điều kiện lạnh : nhiệt độ từ 2°C-8°C



PHỤ LỤC VIII: DANH SÁCH THIẾT BỊ CHÍNH TRONG KHO

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe kéo	Chiếc	03
2	Kệ, pallet	Cái	
3	Điều hòa không khí	Cái	03
4	Quạt thông gió	Cái	03
5	Đèn LED	Cái	12
6	Vòi phun chữa cháy tự động	Cái	03
7	Đèn báo cháy	Cái	03
8	Nhiệt kế	Cái	03
9	Ăm kế	Cái	03
10	Máy tính	Cái	02
11	Camera an ninh	Cái	01

